



# BẢN TIN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN NỘI BỘ CỦA VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

**SỐ 48/2021**

**Từ 06/12 - 10/12/2021**

**TIN NỘI BẬT CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

**TIN TRUNG ƯƠNG**

**CHỈ ĐẠO NỘI DUNG**

\*

**TS. NGUYỄN TRỌNG THỪA**  
THỨ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ  
PHÓ TRƯỞNG BAN BAN CHỈ ĐẠO  
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH  
CỦA CHÍNH PHỦ

**ÔNG PHẠM MINH HÙNG**  
VỤ TRƯỞNG  
VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH  
BỘ NỘI VỤ  
CHÁNH VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO  
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH  
CỦA CHÍNH PHỦ

**BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY**

\*

**TRUNG TÂM THÔNG TIN  
BỘ NỘI VỤ**

**ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ**

**SỐ 8 TÔN THẤT THUYẾT  
QUẬN NAM TỪ LIÊM - HÀ NỘI**

**ĐIỆN THOẠI**

**024.62821016**

**EMAIL**

**BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN**

**WEBSITE**

**HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN**

**TOÀN VĂN PHÁT BIỂU**

**CỦA TỔNG BÍ THƯ NGUYỄN PHÚ TRỌNG TẠI HỘI NGHỊ  
VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG**

Sáng ngày 09/12, tại Hội nghị cán bộ toàn quốc quán triệt, triển khai kết luận và quy định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng có bài phát biểu chỉ đạo Hội nghị. Trân trọng giới thiệu toàn văn phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng.



*Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng phát biểu chỉ đạo tại hội nghị. Ảnh: VGP/Nhật Bắc*

Kính thưa Bộ Chính trị, Ban Bí thư,

Thưa các đồng chí chủ trì Hội nghị,

Thưa toàn thể các đồng chí,

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, mới đây Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương đã thảo luận và thống nhất cao ban hành Kết luận về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm những cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ; và Quy định mới về những điều đảng viên không được làm.

Để triển khai thực hiện thật tốt các Kết luận và Quy định mới này, Bộ Chính trị đã sớm xây dựng và ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện, và hôm nay, tổ chức Hội nghị cán bộ toàn quốc trực tuyến phổ biến, quán triệt những nội dung cốt lõi của Hội nghị Trung ương 4 khoá XIII và Kế hoạch triển khai thực hiện nhằm tạo sự thống nhất cao về nhận thức và hành động trong toàn Đảng. Sự có mặt đông đủ các đồng chí Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, các đồng chí lãnh đạo chủ chốt các ban, Bộ, ngành Trung ương và các tỉnh, thành phố trong cả nước đã thể hiện tinh thần nghiêm túc và quyết tâm cao của toàn Đảng ta ngay từ khâu mở đầu trong toàn bộ kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận và Quy định của Trung ương. Thay mặt Bộ Chính trị, Ban Bí thư và với tình cảm cá nhân, tôi xin nhiệt liệt hoan nghênh và chào mừng tất cả các đồng chí tham dự Hội nghị ở trung tâm Hà Nội cũng như tại các điểm cầu trong cả nước. Chúc các đồng chí mạnh khoẻ, tiếp thu sâu sắc và tổ chức thực hiện thật tốt Kết luận, Quy định mới của Trung ương, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đã đề ra.

Thưa các đồng chí,

Ban Tổ chức Hội nghị đã báo cáo, phổ biến đầy đủ với các đồng chí về chương trình, nội dung, cách thức tiến hành Hội nghị. Kết luận, Quy định của Trung ương cũng đã được gửi tới các đồng chí và công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng; nội dung rất ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu; các đồng chí cần nghiên cứu trực tiếp, kỹ lưỡng. Để giúp các đồng chí hiểu rõ hơn, sâu hơn, tôi chỉ xin nhấn mạnh và làm rõ thêm một số vấn đề sau đây; và cũng chỉ tập trung vào trả lời 3 câu hỏi: (1) Lâu nay, chúng ta đã từng bàn nhiều, làm nhiều về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; vì sao lần này Trung ương lại tiếp tục bàn và ra Nghị quyết về vấn đề này? (2) Những tinh thần mới, nội dung mới của lần này là gì? và (3) Chúng ta phải làm gì và làm như thế nào để thực hiện có kết quả Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 lần này, biến Nghị quyết thành hiện thực sinh động?.

### **1. Vì sao Hội nghị Trung ương 4 lần này lại tiếp tục bàn về việc đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng?**

Chúng ta đều đã biết, sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng nước ta; và công tác xây dựng Đảng luôn luôn là nhiệm vụ then chốt của Đảng, có ý nghĩa cực kỳ quan trọng đối với sự nghiệp cách mạng nước ta. Ngay từ những ngày đầu cách mạng vô sản ở nước Nga, Lênin đã nói: "Hãy cho tôi một tổ chức những người cách mạng, tôi sẽ làm đảo lộn cả nước Nga!" và trong học thuyết về Đảng kiểu mới, Lênin đã nêu ra, chỉ rõ tư tưởng: Xây dựng Đảng phải luôn luôn đi đôi với chấn chỉnh, củng cố Đảng; để làm tròn vai trò lãnh tụ chính trị, bộ tham mưu chiến đấu và đội tiên phong của cách mạng, Đảng phải luôn luôn trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Chủ tịch Hồ Chí Minh muôn vàn kính yêu của chúng ta trước lúc về với Thế giới người hiền, trong Di chúc thiêng liêng, Người đã căn dặn: Sau khi giải phóng được miền Nam, thống nhất đất nước thì việc làm đầu tiên là phải chấn chỉnh, củng cố lại Đảng. Đảng có mạnh thì cách mạng mới thành công cũng như người cầm lái có vững thì thuyền mới chạy.

Suốt hơn 90 năm qua, Đảng ta đã xác lập, củng cố và ngày càng nâng cao vai trò lãnh đạo, sức mạnh và uy tín của Đảng bằng chính bản lĩnh, nghị lực, trí tuệ, lý luận tiên phong;

bằng đường lối đúng đắn mang lại lợi ích thiết thân cho nhân dân, cho đất nước; bằng sự nêu gương, hy sinh quên mình, phấn đấu không mệt mỏi của đội ngũ cán bộ, đảng viên; bằng một tổ chức đoàn kết, thống nhất chặt chẽ, vững chắc; bằng mối liên hệ máu thịt với Nhân dân, được Nhân dân hết lòng tin yêu, ủng hộ và bảo vệ. Thực tế từ ngày có Đảng, Nhân dân ta đã có người lãnh đạo đúng đắn, sáng suốt và nhờ thế chúng ta đã giành được hết thắng lợi này đến thắng lợi khác, lập nên những kỳ tích trong thế kỷ XX.

Trong thời kỳ đổi mới, Đảng ta đã lãnh đạo Nhân dân ta vượt qua mọi khó khăn, thách thức và đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay. Chúng ta hoàn toàn có quyền tự hào về bản chất tốt đẹp, truyền thống anh hùng và lịch sử vẻ vang của Đảng ta - Đảng do Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại sáng lập và rèn luyện, đại biểu của dân tộc Việt Nam anh hùng. Trong lịch sử Đảng ta, hầu như không có Đại hội nào và không mấy Hội nghị Trung ương không đề cập đến công tác xây dựng Đảng. Từ khi bước vào công cuộc Đổi mới năm 1986, Đảng ta đã ban hành nhiều nghị quyết về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, như: Hội nghị Trung ương 3 (khoá VII) năm 1992 về một số nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng; Hội nghị Trung ương 6 lần 2 (khoá VIII) năm 1999 "Một số vấn đề cơ bản và cấp bách về công tác xây dựng Đảng hiện nay",... Chỉ tính riêng 10 năm gần đây, ngay từ đầu mỗi nhiệm kỳ, các Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương đều bàn và ban hành những nghị quyết, kết luận, quy định hết sức quan trọng về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; lần sau sâu sắc, toàn diện và cụ thể, rõ ràng hơn so với lần trước.

Nếu như Hội nghị Trung ương 4 khoá XI mới chỉ tập trung bàn và ra Nghị quyết "Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng" thì đến Hội nghị Trung ương 4 khoá XII đã có sự bổ sung, đổi mới rất căn bản về phạm vi và nội dung, bao gồm toàn bộ các vấn đề "Về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ". Việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khoá XI và khoá XII gắn với việc thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW "Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh"; Quy định số 08-QĐ/TW "Về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương"; Quy định số 47-QĐ/TW "Về 19 điều đảng viên không được làm"; và đặc biệt là việc thành lập, bổ sung, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ và đi vào hoạt động rất có hiệu quả của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng đã tạo sự chuyển biến tích cực, rõ rệt trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, được nhân dân tin yêu, đồng tình, ủng hộ, góp phần rất quan trọng vào việc thực hiện nhiệm vụ chính trị nói chung, thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế nói riêng của Đất nước.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả, thành tích đã đạt được, việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khoá XII của Đảng cũng còn những hạn chế, khuyết điểm: Một bộ phận cán bộ, đảng viên, trong đó có cả cán bộ lãnh đạo, quản lý nhận thức chưa đầy đủ ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; chưa nêu cao tinh thần trách nhiệm, thiếu

gương mẫu, phai nhạt lý tưởng, giảm sút ý chí chiến đấu, đặc biệt là sa vào chủ nghĩa cá nhân, nói không đi đôi với làm, vi phạm kỷ luật Đảng, vi phạm pháp luật của Nhà nước. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu, tự phê bình và phê bình; công tác kiểm tra, giám sát của nhiều tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên còn hạn chế. Hệ thống chính trị ở nước ta chưa thực sự trong sạch, vững mạnh như mong muốn; không ít cán bộ, đảng viên, nhất là những người có chức, có quyền, làm việc ở những ngành, lĩnh vực dễ phát sinh tham nhũng, tiêu cực vẫn thiếu tu dưỡng và rèn luyện, vẫn sa vào chủ nghĩa cá nhân, vi phạm các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, bị xử lý kỷ luật của Đảng và xử lý hình sự. Cơ chế kiểm soát quyền lực và chế tài xử lý vi phạm ở nhiều lĩnh vực chưa có, hoặc có nhưng chưa cụ thể, thực hiện chưa nghiêm. Hoạt động giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân đối với việc tu dưỡng, rèn luyện của cán bộ, đảng viên chưa hiệu quả; chưa phát huy đầy đủ sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch...

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến những hạn chế, khuyết điểm nêu trên, nhưng nguyên nhân chủ yếu là do khâu tổ chức thực hiện chưa tốt, như: Một số cấp uỷ, tổ chức đảng, cán bộ lãnh đạo, quản lý, nhất là người đứng đầu, chưa nhận diện đầy đủ mức độ suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" tại địa phương, cơ quan, đơn vị mình; chưa quyết tâm và có biện pháp chỉ đạo đủ mạnh, còn thụ động, trông chờ vào sự chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên; không thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, chưa gương mẫu, thẳng thắn phê bình, tự phê bình, đấu tranh với những biểu hiện suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá", thậm chí còn mắc vào chủ nghĩa cá nhân, cục bộ, lợi ích nhóm, bị cám dỗ bởi lợi ích vật chất; thờ ơ, vô cảm trước khó khăn, bức xúc của nhân dân.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã xác định mục tiêu tổng quát là: "Nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; củng cố, tăng cường niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy ý chí và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, kết hợp với sức mạnh thời đại; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá; xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hoà bình, ổn định; phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành một nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa". Để thực hiện được mục tiêu to lớn, cao cả đó, cùng với việc khẩn trương, nghiêm túc quán triệt, tổ chức thực hiện ba đột phá chiến lược và các nhiệm vụ, giải pháp mà Đại hội XIII của Đảng đã đề ra, chúng ta còn phải tiếp tục nắm vững và xử lý tốt các mối quan hệ lớn: Giữa đổi mới, ổn định và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa tuân theo các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; giữa Nhà nước, thị trường và xã hội; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường; giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và

nhân dân làm chủ; và đặc biệt, mối quan hệ mới được bổ sung tại Đại hội lần này là mối quan hệ giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội.

Chúng ta triển khai thực hiện những mục tiêu, nhiệm vụ hết sức to lớn, nặng nề nêu trên trong bối cảnh tình hình thế giới và khu vực tiếp tục có nhiều thay đổi rất nhanh, phức tạp, khó lường. Hoà bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, song cũng đứng trước nhiều trở ngại, khó khăn, thách thức. Toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế tiếp tục tiến triển, nhưng cũng đang bị đe dọa bởi sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân tộc cực đoan; cạnh tranh chiến lược, cạnh tranh kinh tế, chiến tranh thương mại diễn ra gay gắt. Do tác động của đại dịch COVID-19, thế giới rơi vào khủng hoảng nghiêm trọng nhiều mặt. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư phát triển mạnh mẽ, tạo đột phá trên nhiều lĩnh vực, mang đến cả thời cơ và thách thức đối với mọi quốc gia. Tranh chấp chủ quyền trên Biển Đông còn diễn biến phức tạp. Biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, thiên tai, dịch bệnh và các vấn đề an ninh phi truyền thống khác, nhất là an ninh mạng, ngày càng tác động mạnh, nhiều mặt, đe dọa nghiêm trọng đến sự phát triển ổn định, bền vững của thế giới, khu vực và đất nước ta. Ở trong nước, dù đạt được những thành tựu rất quan trọng, rất đáng tự hào, nhưng đất nước ta vẫn đứng trước nhiều khó khăn, thách thức và hạn chế, yếu kém. Các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị vẫn tiếp tục điên cuồng chống phá chúng ta bằng những âm mưu, thủ đoạn hết sức thâm độc, tinh vi, nguy hiểm, xảo quyệt.

Tình hình trên đây đòi hỏi Đảng ta phải tiếp tục nâng cao hơn nữa bản lĩnh và trí tuệ, thực sự "là đạo đức là văn minh"; chúng ta phải nỗ lực hơn nữa trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng Đảng ta và hệ thống chính trị nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh, ngang tầm nhiệm vụ, đủ sức để lãnh đạo xây dựng, phát triển đất nước nhanh và bền vững hơn, trong đó có việc phát huy những tác động tích cực, khắc phục những tác động tiêu cực, mặt trái của kinh tế thị trường, mở cửa, hội nhập quốc tế. Kết luận của Hội nghị Trung ương 4 lần này về xây dựng, chỉnh đốn Đảng đã bám sát Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng để kế thừa, bổ sung, phát triển nhiều nội dung quan trọng của các Nghị quyết Trung ương trước đây, đặc biệt là Nghị quyết Trung ương 4 khoá XII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

## **2. Những tinh thần mới, nội dung mới của Hội nghị Trung ương 4 lần này là gì?**

Có 4 điểm đáng chú ý như sau:

Một là, sâu rộng hơn về nội dung và phạm vi; chủ động tiến công mạnh mẽ hơn về tư tưởng chỉ đạo: Kết luận của Trung ương đã mở rộng, không chỉ trong xây dựng, chỉnh đốn Đảng mà còn bao gồm cả trong xây dựng hệ thống chính trị; không chỉ đối với đảng viên và các cấp uỷ, tổ chức đảng mà còn mở rộng ra cả đối với cán bộ, công chức, viên chức, các cấp chính quyền, các cơ quan, đơn vị trong toàn hệ thống chính trị, nhất là ở các cơ quan thực thi pháp luật, những đối tượng có chức, có quyền, những nơi có nhiều đặc quyền, đặc lợi, kể cả các cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, đúng theo tinh thần Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng là: xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện. Cùng với ngăn chặn, đẩy lùi còn phải chủ động phòng ngừa, kiên quyết đấu tranh, xử lý nghiêm sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống

và những hành vi tham nhũng, tiêu cực... Đồng thời, bổ sung, làm rõ hơn hệ thống những biểu hiện của sự suy thoái về tư tưởng chính trị và đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá", "tiêu cực" sát hợp với tình hình mới. Trong đó nhấn mạnh, nguy hiểm nhất là sự phai nhạt lý tưởng cách mạng, không kiên định con đường xã hội chủ nghĩa, mơ hồ, dao động, thiếu niềm tin; nói trái, làm trái quan điểm, đường lối của Đảng; sa sút về ý chí chiến đấu, thấy đúng không dám bảo vệ, thấy sai không dám đấu tranh; thậm chí còn phụ hoạ theo những nhận thức, quan điểm sai trái, lệch lạc; không còn ý thức hết lòng vì nước, vì dân, không làm tròn bổn phận, chức trách được giao; không thực hiện đúng các nguyên tắc xây dựng Đảng và tổ chức sinh hoạt đảng. Sự suy thoái về đạo đức, lối sống thể hiện ở chỗ: Sống ích kỷ, thực dụng, cơ hội, vụ lợi, hám danh, hám quyền lực, tham nhũng, tiêu cực; bè phái, cục bộ, mất đoàn kết; quan liêu, xa dân, vô cảm trước những khó khăn, bức xúc của dân. Từ sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống dẫn tới "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" chỉ là một bước ngắn, thậm chí rất ngắn, nguy hiểm khôn lường, có thể dẫn tới tiếp tay hoặc cấu kết với các thế lực xấu, thù địch, cơ hội, phản bội lại lý tưởng và sự nghiệp cách mạng của Đảng và Dân tộc.

Kết luận của Hội nghị Trung ương 4 khẳng định, sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, tham nhũng, tiêu cực, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ có cả nguyên nhân khách quan và chủ quan, trong đó nguyên nhân chủ quan là chủ yếu, bắt nguồn từ việc bản thân cán bộ, đảng viên thiếu tu dưỡng, rèn luyện; lập trường tư tưởng không vững vàng; sa vào chủ nghĩa cá nhân, quên mất trách nhiệm, bổn phận trước Đảng, trước dân. Nguyên tắc tập trung dân chủ bị buông lỏng, nguyên tắc tự phê bình và phê bình thực hiện không nghiêm. Việc nghiên cứu, sửa đổi, ban hành cơ chế, chính sách, luật pháp thích ứng với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có nhiều điểm chưa kịp thời; nhiều văn bản quy định thiếu chế tài cụ thể, thực hiện không nghiêm. Quản lý cán bộ, đảng viên còn lỏng lẻo. Đánh giá, sử dụng, bố trí cán bộ nhiều trường hợp còn nể nang, cục bộ. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên chưa được coi trọng đúng mức, chậm đổi mới, kém hiệu quả. Công tác kiểm tra, giám sát, giữ gìn kỷ cương, kỷ luật ở nhiều nơi chưa thường xuyên, chưa nghiêm túc. Chưa phát huy đầy đủ, hiệu quả vai trò của nhân dân trong việc giám sát, phản biện, góp ý kiến xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền thông qua Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và các hình thức khác.

Hai là, mục tiêu được xác định lần này cao hơn và sát hợp hơn với tình hình mới: Để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ mới trong bối cảnh tình hình trong nước, quốc tế đã có nhiều thay đổi như nêu ở trên; và kế thừa, phát huy những kết quả, thành tựu có ý nghĩa lịch sử mà toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đã đạt được qua 35 năm đổi mới, trong đó có những kết quả, thành tích rất quan trọng và những kinh nghiệm, bài học đã đạt được trong 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khoá XI và 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khoá XII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, Kết luận lần này đã quán triệt sâu sắc tinh thần Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng để xác định mục tiêu mới là: Đẩy mạnh công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền, sức chiến đấu của Đảng; hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước; đổi mới nội

dung, phương thức và nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội. Kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm những cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, có biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá"; kết hợp chặt chẽ, hài hoà giữa "xây" và "chống", xây là nhiệm vụ cơ bản, chiến lược, lâu dài; chống là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên, cấp bách. Tạo bước phát triển mới của Đảng về trí tuệ, bản lĩnh chính trị, thực sự là đạo đức, là văn minh, gắn bó mật thiết với nhân dân, được nhân dân tin yêu; đủ uy tín và năng lực lãnh đạo thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Ba là, bổ sung, làm rõ, đồng bộ và sắc bén hơn một số nhiệm vụ, biện pháp trong thời gian tới: Kết luận đã kế thừa, bổ sung, làm rõ hơn và yêu cầu phải tiến hành đồng bộ và quyết liệt hơn nữa nhiều công việc cụ thể, thiết thực, tập trung vào 4 nhóm nhiệm vụ, giải pháp mà Hội nghị Trung ương 4 khoá XII đã đề ra về công tác chính trị, tư tưởng, tự phê bình và phê bình; về cơ chế, chính sách; về kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng; về phát huy vai trò của nhân dân và Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội. Đồng thời bổ sung, nhấn mạnh thêm nhóm nhiệm vụ, giải pháp về "Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược và người đứng đầu gắn với đổi mới, sắp xếp tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả". Bảo đảm nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ; quán triệt sâu sắc vai trò của công tác cán bộ là "then chốt của then chốt", có ý nghĩa quyết định mọi thành công của cách mạng nước ta, cả trước mắt và lâu dài. Công tác cán bộ phải gắn với việc thực hiện chủ trương của Đảng về tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, giữ vững vị thế cầm quyền và bảo đảm vai trò lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của Đảng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước; đổi mới nội dung, phương thức và nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội. Tiếp tục thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Nghị quyết số 26-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khoá XII về xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức cách mạng trong sáng, hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân, có năng lực, trình độ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Cán bộ dù ở vị trí nào cũng phải luôn luôn có ý thức đầy đủ về trách nhiệm của mình, làm "đúng vai, thuộc bài", thật sự có chất lượng, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; gắn bó mật thiết với nhân dân, được nhân dân tin yêu, quý trọng. Thực hiện tốt chủ trương khuyến khích, bảo vệ những cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám nói, dám làm, luôn nỗ lực hành động vì lợi ích chung. Quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học, cán bộ quản lý, cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ là người dân tộc thiểu số.

Thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy dân chủ gắn liền với tăng cường trách nhiệm của cấp uỷ và người đứng đầu trong công tác cán bộ. Tăng cường kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ một cách thực chất và hiệu quả; bảo đảm đúng quy định, quy trình, công tâm, khách quan, chặt chẽ, thận trọng trong từng khâu của công tác cán bộ; không để lọt những người không đủ tiêu chuẩn, có biểu hiện cơ hội chính trị, tham vọng quyền lực vào đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

Thực hiện thí điểm một số chủ trương như: Người đứng đầu được lựa chọn, giới thiệu và phải chịu trách nhiệm về việc giới thiệu cán bộ trong quy hoạch để thực hiện quy trình bầu cử, bổ nhiệm cấp phó của mình; bí thư cấp uỷ giới thiệu để bầu uỷ viên ban thường vụ và phải chịu trách nhiệm về việc giới thiệu của mình; giao quyền cho người đứng đầu bổ nhiệm cán bộ trong quy hoạch, miễn nhiệm đối với cấp trưởng cấp dưới trực tiếp và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Tổng kết việc thí điểm thi tuyển, bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp vụ, sở, phòng,...

Nâng cao chất lượng công tác đánh giá cán bộ theo hướng thật sự công tâm, khách quan, có tiêu chí rõ ràng và thông qua sản phẩm cụ thể; gắn việc đánh giá cá nhân với đánh giá tập thể, với kết quả thực tế thực hiện nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị. Kịp thời miễn nhiệm, cho từ chức, thay thế những cán bộ năng lực hạn chế, uy tín thấp, mắc sai phạm; mà không chờ đến hết nhiệm kỳ, hết thời hạn bổ nhiệm. Tuyệt đối chống tư tưởng cục bộ, bè phái, "lợi ích nhóm", tiêu cực.

Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác quy hoạch và luân chuyển cán bộ. Chủ động phát hiện nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, nhất là cán bộ cấp chiến lược nhiệm kỳ 2025 - 2030 và chuẩn bị cho các nhiệm kỳ tiếp theo, bảo đảm tính kế thừa, ổn định, đổi mới và phát triển theo hướng nâng cao chất lượng, bảo đảm số lượng và cơ cấu hợp lý. Công tác luân chuyển cán bộ phải phù hợp với chức danh quy hoạch; bảo đảm cân đối, hài hoà giữa luân chuyển cán bộ với phát triển nguồn cán bộ tại chỗ; luân chuyển ngang và dọc, luân chuyển cán bộ Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội sang các lĩnh vực khác, và ngược lại; tăng cường cán bộ có bản lĩnh, trình độ, năng lực cho địa bàn trọng điểm, lĩnh vực khó khăn, phức tạp; khắc phục tình trạng khép kín trong công tác cán bộ. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chủ trương bố trí chức danh lãnh đạo chủ chốt không phải là người địa phương.

-Bốn là, bổ sung, hoàn thiện toàn diện hơn các thể chế, thiết chế về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực: Kết luận và Quy định mới được Trung ương xem xét, ban hành tại Hội nghị lần này là nhằm góp phần quan trọng vào việc kế thừa, bổ sung, phát triển các quy định của Đảng về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo đúng tinh thần kết hợp nhuần nhuyễn giữa xây và chống; giữa xây dựng đạo đức cách mạng và chống chủ nghĩa cá nhân. Để xây dựng đạo đức cách mạng, cùng với Nghị quyết Trung ương 4 khoá XII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, chúng ta đã có: Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 và Kết luận số 01-KL/TW ngày 18/5/2021 "Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh"; Quy định số 08-QĐ/TW về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Uỷ viên Bộ Chính trị, Uỷ viên Ban Bí thư, Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng...

Để chống chủ nghĩa cá nhân, cùng với Nghị quyết Trung ương 4 khoá XII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và Kết luận của Hội nghị Trung ương lần này, chúng ta có thêm Quy định mới về những điều đảng viên không được làm - một căn cứ, cơ sở quan trọng để xem xét, xử lý các vi phạm của cán bộ, đảng viên và đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Tập trung vào hai nhóm vấn đề: (1) Nhóm quy định về những hành vi suy thoái tư tưởng chính trị, đạo



đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá", như: Xuyên tạc, phủ nhận, phản bác Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; không chấp hành các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng; không thực hiện trách nhiệm nêu gương; sa vào chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, vụ lợi; "tư duy nhiệm kỳ", đoàn kết xuôi chiều, dân chủ hình thức, thấy đúng không bảo vệ, thấy sai không đấu tranh; độc đoán, chuyên quyền, quan liêu, xa rời quần chúng. (2) Nhóm quy định về những việc làm sai trái trong công tác cán bộ, như: Chạy chức, chạy quyền, bao che, tiếp tay, can thiệp, tác động đến tổ chức, cá nhân để bản thân hoặc "người thân", "cánh hầu" được tiếp nhận, tuyển dụng, quy hoạch, luân chuyển, bổ nhiệm, đề cử, ứng cử, khen thưởng, phong tặng danh hiệu, đi học, đi nước ngoài; thực hiện chế độ, chính sách cán bộ trái quy định; can thiệp, tác động vào các hoạt động kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, xét đặc xá, bao che, tiếp tay cho các hành vi vi phạm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; tác động, ép buộc, mua chuộc tổ chức, cá nhân để giảm trách nhiệm, hình phạt cho người khác; lợi dụng chức vụ, quyền hạn, vị trí công tác để vụ lợi, tham ô, hối lộ, lãng phí, tiêu cực (cụ thể là can thiệp, tác động để vợ (chồng) và người khác lợi dụng chức vụ, vị trí công tác của mình để chạy chọt, được làm dự án, công trình, mua sắm thiết bị...); bao che cho các hành vi vụ lợi, tham nhũng, tiêu cực, "lợi ích nhóm", bè phái, cục bộ,... Ngoài ra, còn bổ sung những quy định mới về công tác giám sát việc chứng nhận, công nhận bằng cấp, quốc tịch, thu nhập, chuyển tiền, mua tài sản ở nước ngoài,... Đây là những quy định được ví như những "biệt dược" giúp chúng ta phòng, chống, ngăn ngừa và đặc trị các loại bệnh tật phát sinh trong cơ thể của Đảng và hệ thống chính trị, giúp cho cán bộ, đảng viên tăng cường sức đề kháng, không bị tha hoá, biến chất về tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức, tư cách, lối sống, góp phần ngăn ngừa và khắc phục một cách mạnh mẽ hơn và quyết liệt hơn những biểu hiện suy thoái, tiêu cực; giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương của Đảng. Đặc biệt là, ngày 03/11/2021 mới đây, Bộ Chính trị đã ban hành Quy định số 41-QĐ/TW về việc miễn nhiệm, cho từ chức đối với những người có sai phạm, không còn đủ uy tín, năng lực làm việc; không cần đợi đến hết nhiệm kỳ hoặc đến thời hạn bổ nhiệm lại.

Với việc mở rộng nội dung và phạm vi ra toàn hệ thống chính trị, thể chế về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh cũng trở nên toàn diện và đồng bộ hơn. Cùng với các quy định của Đảng, chúng ta còn có hệ thống pháp luật của Nhà nước đang từng bước được hoàn thiện, nhất là pháp luật về cán bộ, công chức; về thi đua khen thưởng; đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; khuyến khích, bảo vệ những người dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm với động cơ trong sáng, vì lợi ích chung... Các thiết chế để tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khoá XII và Kết luận, Quy định của Hội nghị Trung ương lần này cũng được mở rộng toàn diện và đồng bộ hơn. Cùng với các cấp uỷ và tổ chức đảng từ Trung ương đến cơ sở, chúng ta có sự vào cuộc của các cấp chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, đơn vị thuộc hệ thống chính trị. Đặc biệt là, để đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực có hiệu lực, hiệu quả hơn, bên cạnh Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống, tham nhũng, tiêu cực và các Ban xây dựng

Đảng, chúng ta còn có hệ thống các cơ quan của Nhà nước, nhất là các cơ quan tư pháp như Toà án, Viện Kiểm sát, Thanh tra, Kiểm toán, Tư pháp, Công an, Quân đội...

### **3. Chúng ta phải làm gì và làm như thế nào để thực hiện có kết quả Nghị quyết của Hội nghị Trung ương 4 lần này về xây dựng, chỉnh đốn Đảng?**

Vấn đề rất quan trọng có ý nghĩa quyết định vẫn là làm thế nào để tổ chức thực hiện thật tốt, có kết quả thiết thực Kết luận và Quy định mới của Hội nghị Trung ương lần này gắn với việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khoá XII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Từ những kinh nghiệm và bài học thành công cũng như chưa thành công trong việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khoá XI, XII vừa qua, và để có sự thống nhất cao hơn nữa về nhận thức và tổ chức thực hiện có hiệu quả Kết luận, Quy định của Trung ương lần này, tôi xin nhấn mạnh thêm một số vấn đề sau:

Phải nhận thức thật đầy đủ và sâu sắc mục đích, ý nghĩa, yêu cầu, nội dung của Kết luận và Quy định, nắm vững những tư tưởng chỉ đạo, những công việc phải làm, trên cơ sở đó có sự thống nhất cao về ý chí, quyết tâm, thấy đầy đủ trách nhiệm của mình để gương mẫu, tự giác thực hiện và chỉ đạo, tổ chức thực hiện Kết luận và Quy định trên mỗi cương vị công tác tại địa bàn, lĩnh vực do mình phụ trách; mở đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện.

Ngay sau Hội nghị này, căn cứ vào Kết luận, Quy định của Trung ương và Kế hoạch của Bộ Chính trị, sự chỉ đạo hướng dẫn của các ban đảng Trung ương và các cơ quan cấp trên, các cấp uỷ và tổ chức đảng các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị trong toàn hệ thống chính trị cần khẩn trương xây dựng kế hoạch hành động, chương trình học tập, quán triệt và triển khai thực hiện Kết luận, Quy định gắn với tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khoá XII phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương, ngành, cơ quan, đơn vị mình. Phải làm rất nghiêm túc, thiết thực; có sự phân công trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể, rõ ràng, chặt chẽ; tránh hời hợt, hình thức.

Phải thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp một cách đồng bộ, toàn diện, đồng thời có trọng tâm, trọng điểm; bao gồm cả việc thực hiện 10 nhiệm vụ nêu trong Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, các nghị quyết, kết luận, chỉ thị, các quy định khác của Đảng và pháp luật của Nhà nước; kết hợp chặt chẽ giữa "xây và chống", "chống và xây". Đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; nêu gương những người tốt, việc tốt; ngăn ngừa, cảnh báo, phê phán và xử lý nghiêm những việc làm sai trái; đấu tranh mạnh mẽ chống tham nhũng, hư hỏng, tiêu cực; những hành vi vi phạm kỷ luật Đảng, pháp luật của Nhà nước. Tăng cường công tác giáo dục, rèn luyện, quản lý đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức; làm mạnh hơn nữa, quyết liệt hơn nữa các công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát, kiểm toán, điều tra, khởi tố, truy tố, xét xử... của các cơ quan chức năng; nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng; phát huy vai trò giám sát của nhân dân, các đoàn thể, của báo chí và công luận.

Mỗi cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, đặc biệt là người đứng đầu, người chủ trì phải gương mẫu, tự giác làm trước (ngay sau Hội nghị này, không phải chờ đợi gì cả); căn cứ vào Nghị quyết, Kết luận và Quy định lần này, nghiêm túc tự phê

bình, kiểm điểm, tự soi lại mình, đơn vị mình, gia đình mình, cái gì tốt thì phát huy, cái gì khiếm khuyết thì tự điều chỉnh, cái gì xấu thì tự gột rửa, tự sửa mình. Mọi đảng viên đều phải làm như vậy, chứ không phải chỉ đứng ngoài mà "phán", hoặc "chờ xem", coi như mình vô can. Việc kiểm điểm, tự phê bình và phê bình cần được chuẩn bị thật chu đáo, chỉ đạo tỉ mỉ, chặt chẽ; tiến hành nghiêm túc, thận trọng; làm đến đâu chắc đến đó, đạt kết quả cụ thể, thực chất. Hết sức tránh làm lướt, làm qua loa, hình thức, chiếu lệ. Khắc phục tình trạng xuê xoa, nể nang, thậm chí biến cuộc họp tự phê bình và phê bình thành nơi vuốt ve, ca tụng lẫn nhau; đồng thời cũng ngăn chặn, tránh tình trạng lợi dụng dịp này để "đấu đá", "hạ bệ" nhau với những động cơ không trong sáng. Nghiêm khắc xử lý những trường hợp trù dập phê bình và vu cáo người khác. Kinh nghiệm cho thấy, muốn tự phê bình và phê bình có kết quả tốt, điều quan trọng là phải giữ vững nguyên tắc của Đảng, thật sự phát huy dân chủ trong Đảng; người đứng đầu phải gương mẫu làm trước và phải có các hình thức dân chủ để quần chúng đóng góp, phê bình cán bộ, đảng viên và phải nghiêm túc tiếp thu những ý kiến phê bình đúng đắn. Những trường hợp sai phạm nghiêm trọng mà không thành khẩn, không tự giác, tập thể giúp đỡ mà không tiếp thu thì phải xử lý thích đáng. Mọi thái độ nể nang, né tránh, hữu khuynh, "ngậm miệng ăn tiền" hoặc cực đoan, muốn lợi dụng phê bình để đả kích người khác, gây rối nội bộ, đều là không đúng. Tự phê bình và phê bình đòi hỏi mỗi người phải có tinh thần tự giác, trách nhiệm rất cao, có tinh thương yêu đồng chí thật sự, và phải có dũng khí đấu tranh thẳng thắn, chân tình. Đây cũng là dịp để hiểu thêm cán bộ, có cơ sở để đánh giá cán bộ, xem xét kết hợp chuẩn bị quy hoạch cán bộ cho thời gian tới.

Phải đặt việc thực hiện Kết luận, Quy định của Hội nghị Trung ương lần này và Nghị quyết Trung ương 4 khoá XII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong tổng thể thực hiện các nghị quyết khác của Trung ương, của Quốc hội, của Chính phủ..., nói rộng ra là trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị thường xuyên của cả hệ thống chính trị, bảo đảm thúc đẩy việc hoàn thành các nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, giữ vững ổn định chính trị, an ninh - quốc phòng, đẩy mạnh các hoạt động đối ngoại,... chứ không phải "đóng cửa" để chỉnh đốn Đảng. Xây dựng, chỉnh đốn Đảng là để làm cho Đảng ta ngày càng mạnh hơn; cán bộ, đảng viên gương mẫu hơn; tổ chức đảng có sức chiến đấu cao hơn; đoàn kết nội bộ tốt hơn; gắn bó với nhân dân mật thiết hơn; thúc đẩy thực hiện nhiệm vụ chính trị đạt kết quả cao hơn; chứ không phải ngược lại. Quán triệt, xử lý thật tốt mối quan hệ hữu cơ, gắn bó và hỗ trợ lẫn nhau giữa phát triển kinh tế - xã hội là nhiệm vụ trung tâm; xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt; phát triển văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội.

Xây dựng, chỉnh đốn Đảng là công việc xây dựng tổ chức, xây dựng con người, là công tác con người, rất dễ đụng chạm đến danh dự, lợi ích, quan hệ của con người, đòi hỏi mỗi chúng ta phải tự phê bình, phân tích, mổ xẻ những ưu, khuyết điểm của chính bản thân mình; phải nhận xét, đánh giá về người khác. Nếu không thật tự giác, chân thành, công tâm, khách quan thì rất dễ chủ quan, thường chỉ thấy ưu điểm, mặt mạnh của mình nhiều hơn người khác; trong khi chỉ thấy khuyết điểm, mặt yếu của người khác nhiều hơn mình. Tôi nhớ nhà văn Nga Mác-xim Gôóc-ky có nói: "Con người - hai tiếng ấy vang lên kiêu hãnh làm sao!". Nhưng con người cũng có không ít tật: "Kém một miếng không chịu được", "Miếng ăn là

miếng tòi tàn, mất ăn một miếng thì lộn gan lên đầu!". Vì vậy, thường rất khó, rất phức tạp. Khó nhưng không thể không làm, vì nó liên quan đến sinh mệnh của Đảng và sự tồn vong của chế độ. Đảng ta đã làm, làm nhiều, làm thường xuyên và đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Nếu không làm thì không có được những thành quả như ngày nay. Tuy nhiên, trước yêu cầu mới của nhiệm vụ cách mạng, trước thực trạng một số yếu kém, khuyết điểm như đã nói ở các phần trên, hơn lúc nào hết, Đảng ta càng phải đặc biệt coi trọng hơn nữa nhiệm vụ xây dựng Đảng như Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII và Hội nghị Trung ương 4 lần này đã chỉ ra, tạo bước chuyển thật sự trong công tác này. Điều quan trọng có ý nghĩa quyết định là: Tất cả chúng ta, từ trên xuống dưới, đều phải có quyết tâm rất lớn, có sự thống nhất rất cao, có biện pháp thực hiện quyết liệt, khả thi, chỉ đạo chặt chẽ với một phương pháp tư duy đúng đắn, tỉnh táo, bình tĩnh, không cực đoan, không để các thế lực xấu lợi dụng, xuyên tạc, kích động, phá hoại. Có những việc không thể chỉ làm một lần là xong. Ngược lại, phải làm rất kiên quyết, kiên trì, bền bỉ; làm thường xuyên, liên tục; làm đi làm lại nhiều lần như đánh răng, rửa mặt hằng ngày. Có khi giải quyết xong vấn đề này lại nảy sinh vấn đề khác, làm được việc này lại xuất hiện việc khác. Nếu không xác định như vậy thì mỗi khi thấy có sự việc tiêu cực trong Đảng sẽ dễ mất bình tĩnh, nảy sinh tư tưởng bi quan, hoài nghi, hoặc mất niềm tin, phủ nhận mọi sự cố gắng và kết quả chung.

Thưa các đồng chí,

Những nội dung trình Hội nghị cán bộ toàn quốc hôm nay là những vấn đề rất cơ bản và hệ trọng. Thời gian Hội nghị không nhiều, đề nghị các đồng chí nêu cao tinh thần trách nhiệm, tập trung dành thời gian nghiên cứu, thảo luận, góp ý kiến để tạo sự thống nhất cao trong việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, Kết luận và Quy định của Trung ương.

Tôi tin tưởng rằng, với truyền thống và bản chất tốt đẹp của Đảng ta, với quyết tâm chính trị rất cao của toàn Đảng, toàn hệ thống chính trị, lại được nhân dân đặt nhiều kỳ vọng, hưởng ứng, đồng tình ủng hộ, nhất định chúng ta sẽ vượt qua mọi khó khăn, thực hiện thắng lợi Kết luận, Quy định của Hội nghị Trung ương 4 khoá XIII và các Nghị quyết, Quyết định khác, nhất là Nghị quyết Trung ương 4 khoá XII, tạo bước chuyển biến mới trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, làm cho Đảng ta ngày càng trong sạch, vững mạnh toàn diện, thật sự là đạo đức, là văn minh, xứng đáng là đội tiên phong của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của toàn dân tộc.

Một lần nữa xin chúc các đồng chí sức khỏe, hạnh phúc, có nhiều niềm vui mới, niềm tin mới, khí thế mới, và thắng lợi mới.

Tôi xin trân trọng cảm ơn!

*Nguồn: baochinhphu.vn*

## THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ: BỐI CẢNH ĐẶC BIỆT CẦN TẦM NHÌN, HÀNH ĐỘNG, GIẢI PHÁP ĐẶC BIỆT, TẤT CẢ VÌ ẨM NO VÀ HẠNH PHÚC CỦA NHÂN DÂN

Phát biểu tại Phiên toàn thể Diễn đàn cấp cao về Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính nhấn mạnh việc thích ứng và phát triển của mỗi quốc gia dưới tác động của đại dịch COVID-19 trong kỷ nguyên số và toàn cầu hóa hiện nay là vấn đề lớn, vừa cấp bách, vừa lâu dài; trong bối cảnh đặc biệt, chúng ta cần có tầm nhìn, hành động và giải pháp đặc biệt, phù hợp, linh hoạt, tất cả vì hạnh phúc, ẨM NO của Nhân dân.

Sáng ngày 06/12, tại Hà Nội, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính dự, chủ trì và có bài phát biểu quan trọng tại Phiên toàn thể Diễn đàn cấp cao thường niên lần thứ 3 về Cách mạng công nghiệp lần thứ tư với chủ đề “Phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội bền vững thời kỳ hậu COVID-19 và đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong kỷ nguyên số”. Diễn đàn do Ban Kinh tế Trung ương phối hợp với các Bộ, cơ quan tổ chức theo hình thức kết hợp trực tiếp và trực tuyến tại 63 điểm cầu các tỉnh, thành phố và 30 điểm cầu quốc tế.

Được tổ chức hằng năm, đây là một trong những diễn đàn thường niên có quy mô lớn nhất về công nghiệp 4.0 tại Việt Nam. Diễn đàn năm 2021 có ý nghĩa quan trọng về chính trị, kinh tế - xã hội, góp phần triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Kết luận của Hội nghị Trung ương 4 khóa XIII và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

Với chuỗi 10 phiên hội thảo chuyên đề diễn ra từ đầu tháng 11 tới nay, Diễn đàn góp phần làm rõ thêm các căn cứ khoa học và thực tiễn, kinh nghiệm quốc tế để đề xuất các giải pháp phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội bền vững, thích ứng an toàn với mọi diễn biến của dịch bệnh. Bên cạnh đó, Diễn đàn còn góp phần thúc đẩy và nâng cao hiệu quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; đồng thời, gắn với triển khai nghiên cứu, xây dựng Đề án “Chủ trương, chính sách công nghiệp hóa, hiện đại hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” trình Hội nghị Trung ương 6 khóa XIII.

Tại Phiên toàn thể, các đại biểu trong và ngoài nước đã thảo luận, góp ý đối với khung chính sách phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam gắn với phòng, chống dịch COVID-19 giai đoạn 2021 - 2023. Nhiều ý kiến đánh giá cao những nỗ lực của Chính phủ và kết quả đạt được thời gian qua trong phòng chống dịch bệnh, tỷ lệ người dân được tiêm vaccine tăng mạnh trong thời gian ngắn, nền kinh tế khởi sắc, nhiều lĩnh vực phục hồi mạnh. Các đại biểu cũng đề xuất, kiến nghị về mô hình, chính sách đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để hiện thực hóa mục tiêu đến năm 2030, Việt Nam là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình

cao; đến năm 2045 trở thành nước phát triển và có thu nhập cao, trở thành một trong những trung tâm sản xuất và dịch vụ thông minh của khu vực châu Á.

Phát biểu tại Diễn đàn, thay mặt lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Thủ tướng Chính phủ ghi nhận, đánh giá cao Ban Kinh tế Trung ương đã phối hợp chặt chẽ, cùng các Bộ, cơ quan liên quan trong việc chuẩn bị, tổ chức Diễn đàn.

Thủ tướng Chính phủ trân trọng cảm ơn sự tham gia, đóng góp, ý kiến phát biểu rất tâm huyết, trách nhiệm của các đại biểu, chuyên gia trong nước, quốc tế và cộng đồng doanh nghiệp, đã chia sẻ các thông tin, kinh nghiệm phát triển với động lực mới từ cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; đưa ra nhiều khuyến nghị chính sách, giải pháp hỗ trợ phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội cũng như các vấn đề dài hạn, xuyên suốt về công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Việt Nam trong kỷ nguyên số.

Nhân dịp này, Thủ tướng Chính phủ cảm ơn các nước, bạn bè, đối tác quốc tế đã hợp tác, giúp đỡ, chia sẻ với Việt Nam trong phát triển kinh tế - xã hội nói chung và nhất là trong phòng chống dịch COVID-19, đặc biệt là sự hỗ trợ về y tế.

Thủ tướng Chính phủ nêu rõ, đại dịch COVID-19 đã gây ra những hậu quả hết sức nặng nề không chỉ với Việt Nam mà đối với cả thế giới. Trong gần 2 năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự đoàn kết, chung sức, đồng lòng của cộng đồng doanh nghiệp và người dân, sự hỗ trợ của cộng đồng quốc tế, Việt Nam cơ bản đã kiểm soát được dịch bệnh, vượt qua được giai đoạn khó khăn nhất, chủ động chuyển trạng thái, tạo tiền đề quan trọng để đẩy mạnh phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

Thủ tướng Chính phủ cho biết, khi chưa có đủ vaccine và thuốc, chưa hiểu rõ và dự báo được hết sự nguy hiểm của các biến chủng thì chúng ta không có cách nào khác là sử dụng nghiêm ngặt các biện pháp hành chính để phòng chống dịch, điều này tác động tiêu cực tới phát triển kinh tế - xã hội. Vừa qua, khi đạt được độ bao phủ nhất định về vaccine và nâng cao năng lực y tế, đồng thời đúc rút, tổng kết được các kinh nghiệm, lý thuyết, công thức phòng chống dịch, xây dựng kịch bản ứng phó với các tình huống, Việt Nam đã chuyển hướng thực hiện thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch bệnh.

Sau 2 tháng triển khai chủ trương chuyển hướng nêu trên, tình hình kinh tế - xã hội của Việt Nam đã phục hồi trở lại và có nhiều khởi sắc. Kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát, các cân đối lớn được bảo đảm. Xuất nhập khẩu tăng cao, xuất siêu trở lại, thu hút FDI tăng. Chuỗi cung ứng, sản xuất, chuỗi lao động dần được nối lại. An sinh xã hội được bảo đảm; đời sống của người dân dần ổn định trở lại.

Thủ tướng Chính phủ nhấn mạnh, điều này cho thấy khó khăn hiện tại chỉ mang tính nhất thời; nền tảng vĩ mô, các cân đối lớn của kinh tế Việt Nam vẫn ổn định và vững chắc; niềm tin của người dân và doanh nghiệp, các nhà đầu tư, bạn bè quốc tế tiếp tục được giữ vững, tăng cường và củng cố. Cùng với đó, ổn định chính trị, an ninh quốc phòng được giữ vững; tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc được phát huy mạnh mẽ.

Theo Người đứng đầu Chính phủ, việc thích ứng và phát triển của mỗi quốc gia dưới tác động của đại dịch COVID-19 trong kỷ nguyên số và toàn cầu hóa hiện nay là vấn đề lớn, vừa

cấp bách, vừa lâu dài; đặc biệt là tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư ngày càng sâu rộng tới mọi mặt của đời sống kinh tế, xã hội.

Chia sẻ với các đại biểu về một số vấn đề như biến đổi khí hậu, nước biển dâng, già hóa dân số, cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường..., Thủ tướng Chính phủ nêu rõ, cùng với dịch bệnh COVID-19, đây là những vấn đề toàn cầu, ảnh hưởng tới mọi quốc gia và mọi người dân, do đó cần phải có tư duy và cách tiếp cận toàn cầu, mang tính bao trùm, tổng thể, phù hợp với bối cảnh và yêu cầu phát triển mới; đồng thời phải có tư duy và cách tiếp cận toàn dân, lấy người dân là trung tâm, là chủ thể, là mục tiêu và là động lực.

“Tình hình thế nào thì giải pháp như thế, trong bối cảnh đặc biệt, chúng ta cần có tầm nhìn, hành động và cách làm đặc biệt, phù hợp, linh hoạt”, Thủ tướng Chính phủ nhấn mạnh.

Chia sẻ về những định hướng trong thời gian tới, Thủ tướng Chính phủ cho biết, Chính phủ đang tập trung chỉ đạo hoàn thiện và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt Chương trình tổng thể phòng, chống đại dịch COVID-19 và Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. Thủ tướng Chính phủ nhấn mạnh, hai nhiệm vụ này có sự gắn kết chặt chẽ, là hai mặt của một quá trình, phòng chống, kiểm soát hiệu quả dịch bệnh thì mới có thể phát triển kinh tế - xã hội và phát triển kinh tế - xã hội thì mới có nguồn lực để phòng chống dịch, bảo đảm an sinh xã hội cho nhân dân.

Dịch bệnh đã làm bộc lộ cả mặt yếu và mặt mạnh của hệ thống y tế Việt Nam. Thủ tướng Chính phủ nêu một số định hướng lớn trong Chương trình tổng thể phòng, chống đại dịch COVID-19 như tiếp tục hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách, nâng cao năng lực y tế, nhất là y tế dự phòng, y tế cơ sở và đào tạo nguồn nhân lực, đầu tư cơ sở vật chất; có kế hoạch bảo đảm vaccine và thuốc điều trị. Việt Nam đặt mục tiêu chậm nhất trong tháng 12 phải cơ bản hoàn thành việc tiêm vaccine mũi 2 cho người trên 18 tuổi, tích cực tiêm mũi 3 và tiêm cho người từ 12 tuổi, đồng thời nghiên cứu, xin ý kiến cấp có thẩm quyền về việc tiêm vaccine cho trẻ em từ 5 tuổi.

Về chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, Thủ tướng Chính phủ cho biết một số trụ cột như tập trung nâng cao năng lực y tế; bảo đảm an sinh xã hội; hỗ trợ doanh nghiệp, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh; xây dựng hạ tầng chiến lược, trong đó có hạ tầng chuyển đổi số; xây dựng và hoàn thiện thể chế; phát huy tối đa nguồn lực con người là trung tâm, chủ thể, là động lực và mục tiêu của sự phát triển...

Theo Thủ tướng Chính phủ, dù trong quá trình hồi phục hay phát triển thì nội lực luôn là cơ bản, chiến lược, lâu dài, quyết định, ngoại lực là quan trọng và đột phá. Nội lực gồm 3 trụ cột chính là con người; thiên nhiên; và truyền thống văn hóa - lịch sử với tinh thần tự lực, tự cường, đoàn kết, thống nhất của dân tộc. Còn ngoại lực bao gồm công nghệ, vốn, năng lực quản trị và đào tạo nguồn nhân lực...

Thủ tướng Chính phủ nhấn mạnh một số định hướng như đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số, tạo động lực đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Kết hợp chặt chẽ, hài hòa, linh hoạt, hiệu quả giữa các chính sách tài khóa, tiền tệ với các công cụ về thuế, phí, lệ phí, chi ngân sách Nhà nước, lãi suất, tỷ giá, tín dụng, chi phí đầu vào... Thực hiện hiệu quả các

chính sách bảo đảm an sinh xã hội dựa trên 3 trụ cột chính là giảm thiểu, khắc phục và phòng ngừa rủi ro để người lao động, người dân có công việc, thu nhập và cuộc sống ổn định.

Về hoàn thiện thể chế, những vấn đề đã “chín”, đã rõ, được thực tiễn chứng minh là đúng, thực hiện có hiệu quả, được đa số đồng tình thì tiếp tục thực hiện; những vấn đề chưa có quy định hoặc vượt quy định thì mạnh dạn thí điểm, vừa làm vừa rút kinh nghiệm, mở rộng dần, không cầu toàn, không nóng vội.

Cùng với đó, đẩy mạnh xây dựng và hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng chiến lược, trong đó có hạ tầng giao thông, viễn thông... “Việc bảo đảm điện và sóng cho các vùng sâu, vùng xa dù khó mấy cũng phải làm và không chỉ là trách nhiệm của Chính phủ mà còn cần sự vào cuộc của các cơ quan, địa phương, cùng với sự hỗ trợ của bạn bè, đối tác quốc tế. Không có điện và sóng thì không có chuyển đổi số, xã hội số, kinh tế số, công dân số...”, Thủ tướng Chính phủ nêu ví dụ. Cùng với đó, chú trọng phát triển hạ tầng giao thông, hạ tầng ứng phó biến đổi khí hậu tại Đồng bằng sông Cửu Long, Tây Nguyên, miền núi phía bắc...

Nhấn mạnh quan điểm phát triển kinh tế hài hòa với phát triển văn hóa, Thủ tướng Chính phủ cho biết, Chính phủ đang xây dựng chương trình tổng thể để triển khai các nhiệm vụ, giải pháp được xác định tại Hội nghị văn hóa toàn quốc vừa qua, trong đó có việc phát triển công nghiệp văn hóa trong bối cảnh chuyển đổi số.

Một nhiệm vụ quan trọng khác là không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân, giữ vững ổn định chính trị, xã hội, tăng cường quốc phòng, an ninh, nâng cao hiệu quả đối ngoại và hội nhập quốc tế, tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho phát triển đất nước. “Không hy sinh an sinh xã hội, môi trường, tiến bộ và công bằng để chạy theo tăng trưởng kinh tế đơn thuần; lo cho gần 100 triệu dân ấm no và hạnh phúc, dân chủ, có cuộc sống bình yên, an ninh, an toàn, an dân, đó là điều quan trọng nhất”, Thủ tướng Chính phủ phát biểu.

*Nguồn: baochinhpvu.vn*

## THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ: ĐẨY MẠNH CHUYỂN ĐỔI SỐ ĐỂ CHĂM LO AN SINH XÃ HỘI TỐT HƠN CHO NGƯỜI DÂN

Sáng ngày 08/12, tại trụ sở Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính làm việc với Bảo hiểm xã hội Việt Nam về tình hình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn trong thời gian qua và các định hướng lớn trong thời gian tới.

Báo cáo của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam và các ý kiến tại cuộc họp nhận định, ngành Bảo hiểm xã hội đã đạt những kết quả nổi bật trong tham gia xây dựng chính sách, pháp luật về bảo hiểm; giải quyết, chi trả chế độ, chính sách bảo hiểm; quản lý tài chính, đầu tư quỹ; thanh tra, kiểm tra; cải cách hành chính; chuyển đổi số...

Đặc biệt, số người tham gia bảo hiểm xã hội đã tăng so với kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, nhất là bảo hiểm xã hội tự nguyện, vượt chỉ tiêu đề ra tại Nghị quyết của Trung



ương (trong 2 năm gần đây tăng gấp 3 lần so với giai đoạn 10 năm từ 2008 - 2018); bảo hiểm y tế cơ bản hoàn thành mục tiêu bao phủ toàn dân, về đích trước thời hạn so với mục tiêu đề ra tại Nghị quyết của Trung ương.

Đến hết tháng 11/2021, số người tham gia bảo hiểm xã hội tiếp tục tăng trưởng so với năm 2020, đạt 16,202 triệu người (tăng 38,7 nghìn người), bảo hiểm xã hội tự nguyện đạt gần 1,3 triệu người, đạt 2,6% lực lượng lao động trong độ tuổi là nông dân và lao động khu vực phi chính thức (vượt 1,6% chỉ tiêu được giao); 88 triệu người tham gia bảo hiểm y tế, đạt hơn 90% dân số.

Công tác chuyển đổi số được đặc biệt chú trọng, giúp nâng cao hiệu quả nhiều mặt hoạt động của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam. Ngành đã xây dựng, hoàn thiện kho cơ sở dữ liệu hơn 98 triệu dân, là nền tảng cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm.

Việc kết hợp giữa thanh tra, kiểm tra, giám sát theo phương thức truyền thống với thanh tra, kiểm tra, giám sát theo phương thức điện tử giúp tăng hiệu quả, chất lượng, giảm nhân lực, thời gian thanh tra, kiểm tra, giảm số cuộc thanh tra, kiểm tra, nhưng phát hiện, xử lý được nhiều vi phạm hơn; từ năm 2017 tới nay đã từ chối thanh toán, giảm chi quỹ bảo hiểm y tế hơn 9.359 tỷ đồng.

Các thủ tục giải quyết chính sách hỗ trợ người lao động, người sử dụng lao động được rút ngắn thời gian từ 05 ngày xuống chỉ còn 01 ngày làm việc. Đặc biệt, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam đã có rất nhiều nỗ lực, cố gắng trong hỗ trợ người dân và doanh nghiệp trong bối cảnh dịch bệnh.

Nêu một số kiến nghị, đề xuất tại cuộc làm việc, bảo hiểm xã hội đặt mục tiêu đến hết năm 2025, số người tham gia bảo hiểm xã hội là 23,1 triệu, đạt 45% lực lượng lao động trong độ tuổi; tham gia bảo hiểm thất nghiệp là 18 triệu người, đạt 35% lực lượng lao động trong độ tuổi; tham gia bảo hiểm y tế là 95 triệu người, bao phủ 95% dân số.

Phát biểu kết luận buổi làm việc, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đánh giá báo cáo của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam và các ý kiến là trách nhiệm, tâm huyết, sát thực tế, các đề xuất, kiến nghị rất rõ tại cuộc họp. Thống nhất cao với các ý kiến, Thủ tướng ghi nhận, biểu dương, đánh giá cao sự nỗ lực, cố gắng của bảo hiểm xã hội trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, nhất là trong thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW của Trung ương khóa XII về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội.

Thủ tướng Chính phủ nhấn mạnh một số kết quả trong mở rộng độ bao phủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; hỗ trợ người dân và doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh COVID-19, nhất là trong triển khai chính sách hỗ trợ từ Quỹ bảo hiểm thất nghiệp - đây là vấn đề chưa được pháp luật quy định nhưng các cơ quan chức năng đã đề xuất cấp có thẩm quyền xử lý kịp thời, giải quyết yêu cầu cấp bách phát sinh trong thực tiễn. Cùng với đó, Quỹ bảo hiểm xã hội kết dư tốt, đạt gần 1 triệu tỷ đồng, bảo đảm an toàn, góp phần vào phát triển kinh tế - xã hội, ổn định kinh tế vĩ mô. Bảo hiểm xã hội cũng đạt nhiều kết quả trong sắp xếp lại bộ máy, tinh giản biên chế...

Tuy nhiên, các ý kiến tại cuộc họp cũng nêu rõ, một số quy định của chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế trong quá trình tổ chức thực hiện đã

bộ lộ bất cập, cần tiếp tục được điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung. Tốc độ gia tăng người tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế còn chậm; tỷ lệ người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện còn thấp so với tiềm năng; số người đề nghị hưởng bảo hiểm xã hội một lần vẫn có chiều hướng gia tăng. Tình trạng lạm dụng, trục lợi quỹ, chậm đóng, trốn đóng, nợ đọng bảo hiểm vẫn còn xảy ra. Việc giải quyết các chế độ, quyền lợi đối với người lao động còn khó khăn khi doanh nghiệp nợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế nhưng giải thể, phá sản, chủ là người nước ngoài bỏ trốn do chưa có cơ chế xử lý đối với nợ của các doanh nghiệp này. Việc quản lý quỹ khám chữa bệnh bảo hiểm y tế gặp khó khăn do cơ chế, chính sách...

Thủ tướng Chính phủ nêu rõ một số bài học rút ra trong hoạt động của bảo hiểm xã hội thời gian qua, như luôn bám sát, thực hiện nghiêm đường lối, chủ trương của Đảng, các quy định của pháp luật, các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; luôn nỗ lực cao nhất trong khả năng có thể; phối hợp chặt chẽ với các bộ, cơ quan, địa phương; giữ vững đoàn kết, thống nhất.

Về công việc sắp tới, Thủ tướng Chính phủ nhấn mạnh một số định hướng lớn như tiếp tục bám sát chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ để thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

Cùng với đó, phải nhận thức thật sâu sắc, đầy đủ, toàn diện về vai trò của an sinh xã hội trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chúng ta dứt khoát không hy sinh tiến bộ và công bằng xã hội, an sinh xã hội để chạy theo tăng trưởng kinh tế đơn thuần, lấy người dân là chủ thể, là trung tâm, là mục tiêu và là động lực phát triển; góp phần vào sự ổn định chính trị, sự lành mạnh của xã hội và sự phát triển của đất nước.

Định hướng lớn khác là trong công việc phải bám sát, dựa trên 3 trụ cột chính của an sinh xã hội gồm phòng ngừa rủi ro, giảm thiểu rủi ro và khắc phục rủi ro; đồng thời tôn trọng thực tiễn, bám sát thực tiễn, xuất phát từ thực tiễn, lấy thực tiễn làm thước đo, linh hoạt, chủ động để tham mưu, đề xuất các cấp có thẩm quyền các giải pháp xử lý hiệu quả các vấn đề đặt ra.

Về công việc cụ thể, Thủ tướng Chính phủ đề nghị cần tập trung cho công tác hoàn thiện thể chế, xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch; trong bối cảnh nguồn lực, thời gian có hạn, tình hình phức tạp, công việc có những khó khăn, phải có quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, hiệu quả, có trọng tâm trọng điểm, làm việc nào dứt điểm việc đó. Thủ tướng Chính phủ lưu ý, có thể lập tổ công tác để rà soát các vướng mắc của cơ chế, chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế để đề xuất, tham mưu các cấp có thẩm quyền.

Về công tác xây dựng Đảng, công tác tổ chức - cán bộ, bộ máy, biên chế, phải quán triệt và thực hiện nghiêm các quy định của Đảng, các Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, XII và Kết luận Hội nghị Trung ương 4 khóa XIII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng; các Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW về tổ chức, bộ máy, Nghị quyết số 26-NQ/TW về xây dựng đội ngũ cán bộ... Thủ tướng Chính phủ nhấn mạnh, việc xây dựng đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất, năng lực và uy tín ngang tầm nhiệm vụ có ý nghĩa quyết định.

Đồng thời, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cá thể hóa trách nhiệm đi đôi với tăng cường kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật, phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, thất thoát, lợi ích nhóm, tình trạng trốn đóng, chậm đóng, nợ đọng bảo hiểm...

Trong các hoạt động chuyên môn, Thủ tướng Chính phủ lưu ý việc quản lý, sử dụng Quỹ bảo hiểm xã hội phải vừa bảo đảm quyền lợi của người đóng bảo hiểm, vừa bảo đảm an toàn, tăng trưởng và phát triển, đóng góp vào ổn định kinh tế vĩ mô, vì lợi ích chung.

Thủ tướng Chính phủ yêu cầu tập trung, làm tốt hơn nữa công tác chuyển đổi số và xây dựng, kết nối cơ sở dữ liệu; nâng cao năng lực, trình độ quản trị theo hướng hiện đại, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để vừa tạo nhanh chóng, thuận lợi cho người thụ hưởng chính sách, vừa phòng chống trục lợi chính sách. Ông nhấn mạnh, bối cảnh dịch bệnh thời gian vừa qua đã khẳng định điều này là hết sức quan trọng, khi chúng ta phải bảo đảm an sinh xã hội cho hàng chục triệu người trong thời gian rất ngắn thì phải đẩy mạnh ứng dụng công nghệ để bảo đảm công việc nhanh chóng, chính xác.

Thủ tướng Chính phủ cũng yêu cầu rà soát lại, xây dựng lộ trình khắc phục hiệu quả các tồn tại, hạn chế; chú trọng nâng cao hiệu quả công tác truyền thông để dân hiểu, dân biết, dân tin, dân nghe, dân theo, dân làm trong thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội.

Thủ tướng Chính phủ giao các cơ quan chức năng tổng hợp các kiến nghị của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam, đề xuất các cấp có thẩm quyền giải quyết theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tinh thần chung là ủng hộ, không để ách tắc công việc, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, nâng cao năng lực, tạo điều kiện tốt hơn cho Bảo hiểm Xã hội Việt Nam, đặt lợi ích dân tộc quốc gia lên trên hết, trước hết.

*Nguồn: baochinhpvu.vn*

## **BỘ NỘI VỤ: KẾ HOẠCH BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ QUẢN LÝ CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

Ngày 03/12/2021, Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quyết định số 1234/QĐ-BNV phê duyệt Kế hoạch bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2021 - 2025.

Kế hoạch nhằm mục đích bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu vị trí việc làm cho công chức, viên chức đảm nhận vị trí việc làm thực thi nhiệm vụ quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tại các Bộ, ngành, địa phương; góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính và hội nhập quốc tế.

Đối tượng bồi dưỡng được xác định: Công chức quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng của Vụ (Ban) Tổ chức cán bộ các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương; các đơn vị trực thuộc bộ, ngành; Công chức quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng của Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Phòng Nội vụ các

quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Viên chức quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng.

Kế hoạch bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2021 - 2025 xác định các yêu cầu cụ thể: Xây dựng nội dung bồi dưỡng gắn với vị trí việc làm phù hợp với các đối tượng tham gia bồi dưỡng; Tăng cường nhận thức, trách nhiệm của người đứng đầu các đơn vị quản lý, sử dụng công chức, viên chức và công chức, viên chức trong thực hiện bồi dưỡng để nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc trong giai đoạn hiện nay; Đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị để tổ chức triển khai Kế hoạch.

Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng theo vị trí việc làm đối với công chức, viên chức quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng tập trung vào các nội dung cụ thể: (1) Bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, những quy định mới về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; hướng dẫn triển khai thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo các quy định về đào tạo, bồi dưỡng; (2) Kỹ năng khảo sát đánh giá, xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng; xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng; xây dựng chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng; tổ chức, quản lý các khóa bồi dưỡng; đánh giá chất lượng đào tạo, bồi dưỡng; (3) Ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại trong quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp với Bộ Nội vụ triển khai Kế hoạch bảo đảm chất lượng và hiệu quả.

*Trần Trang, Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ*

## BỘ TÀI CHÍNH: CÔNG BỐ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CÁC ĐƠN VỊ THUỘC BỘ NĂM 2020

Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 2244/QĐ-BTC công bố Chỉ số theo dõi, đánh giá kết quả cải cách hành chính năm 2020 của các đơn vị thuộc Bộ Tài chính.

Theo đó, đối với khối tổng cục, Tổng cục Hải quan tiếp tục dẫn đầu Chỉ số theo dõi, đánh giá kết quả cải cách hành chính năm 2020, với điểm thẩm định là 92,85 (thang điểm tối đa là 100). Các vị trí tiếp theo lần lượt thuộc về: Kho bạc Nhà nước; Tổng cục Thuế; Tổng cục Dự trữ nhà nước và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Khối cục, Cục Quản lý giá dẫn đầu, với điểm thẩm định là 75,38 (thang điểm tối đa là 80). Các đơn vị đứng vị trí tiếp theo lần lượt là: Cục Kế hoạch - Tài chính và Cục Tài chính doanh nghiệp; Cục Quản lý công sản và Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán; Cục Tin học - Thống kê tài chính và Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm; Cục Quản lý nợ và tài chính đối ngoại.

Theo kết quả khối vụ, Vụ Ngân sách nhà nước dẫn đầu, với điểm thẩm định là 66,64 (thang điểm tối đa là 70). Xếp vị trí tiếp theo lần lượt là: Vụ Pháp chế và Vụ Tổ chức cán bộ; Vụ Chính sách thuế và Vụ Hành chính sự nghiệp; Vụ Tài chính ngân hàng; Vụ I; Vụ Hợp tác quốc tế; Thanh tra Bộ; Vụ Đầu tư.

Kết quả theo dõi, đánh giá Chỉ số cải cách hành chính năm 2020 cho thấy, việc xây dựng các chương trình, kế hoạch, văn bản chỉ đạo và triển khai công tác cải cách hành chính đã được các đơn vị quan tâm thực hiện thường xuyên.

Bộ Tài chính hết sức coi trọng việc thực hiện các chỉ số cải cách hành chính. Đây được coi là công cụ hữu ích trong công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính, giúp lãnh đạo Bộ Tài chính trong việc theo dõi, đánh giá kết quả cải cách hành chính tại các đơn vị được khách quan, công bằng, lượng hóa kết quả triển khai tại từng đơn vị; qua đó có giải pháp triển khai công tác cải cách hành chính tại các đơn vị hiệu quả hơn.

Được biết, đây là năm thứ 6 Bộ Tài chính tổ chức triển khai chấm điểm cải cách hành chính đối với các đơn vị thuộc bộ.

*Nguồn: thoibaotaichinhvietnam.vn*

## **BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI: BAN HÀNH BỘ CHUẨN TRAO ĐỔI DỮ LIỆU ĐIỆN TỬ LĨNH VỰC LAO ĐỘNG, NGƯỜI CÓ CÔNG VÀ XÃ HỘI**

Ngày 03/12/2021, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quyết định số 1371/QĐ-LĐTBXH ban hành Bộ chuẩn trao đổi dữ liệu điện tử lĩnh vực lao động, người có công và xã hội.

Bộ chuẩn trao đổi dữ liệu điện tử lĩnh vực lao động, người có công và xã hội gồm: Bộ tiêu chí thông tin, danh mục dùng chung; Bộ định dạng dữ liệu; Bộ chuẩn kỹ thuật cấu trúc thông điệp dữ liệu. Trong đó:

Bộ tiêu chí thông tin, danh mục dùng chung có: Tiêu chí thông tin dùng cho mọi đối tượng; Tiêu chí thông tin quản lý chuyên ngành (xã hội, lao động, giáo dục nghề nghiệp); Danh mục dùng chung.

Bộ định dạng dữ liệu có: Định dạng các trường dữ liệu chung; Định dạng các trường dữ liệu chuyên ngành.

Bộ chuẩn kỹ thuật cấu trúc thông điệp dữ liệu có: Chuẩn kỹ thuật cấu trúc thông điệp dữ liệu của các trường dữ liệu chung; Chuẩn kỹ thuật cấu trúc thông điệp dữ liệu của các trường dữ liệu quản lý chuyên ngành; Chuẩn kỹ thuật cấu trúc thông điệp dữ liệu danh mục dùng chung.

Bộ chuẩn trao đổi dữ liệu điện tử lĩnh vực lao động, người có công và xã hội được ban hành là bước tiếp tục thực hiện Quyết định số 1229/QĐ-LĐTBXH ngày 01/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Kiến trúc Chính phủ điện tử Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, phiên bản 2.0; Quyết định số 634/QĐ-LĐTBXH ngày 02/6/2021 ban hành danh mục cơ sở dữ liệu ngành Lao động - Thương binh và Xã hội.

*Trần Trang, Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ*

## VẬN HÀNH HỆ THỐNG THEO DÕI, GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ VIỆC GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

Văn phòng Chính phủ ban hành Công văn số 8836/VPCP-KSTT gửi các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Tổng giám đốc Bảo hiểm Xã hội Việt Nam về theo dõi, giám sát, đánh giá thực hiện thủ tục hành chính.

Thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021, Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ, Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 31/2021/QĐ-TTg ngày 11/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ, Văn phòng Chính phủ đang xây dựng và dự kiến đưa vào vận hành Hệ thống theo dõi, giám sát, đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính của Bộ, ngành, địa phương bằng dữ liệu, theo thời gian thực trên Cổng dịch vụ công quốc gia vào giữa tháng 12 năm 2021. Kết quả theo dõi, giám sát, đánh giá của Hệ thống này là cơ sở quan trọng để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, kết quả cải cách thủ tục hành chính của bộ, ngành, địa phương.

Văn phòng Chính phủ đề nghị đồng chí Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Tổng giám đốc quan tâm, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chuyên môn rà soát, cập nhật, đồng bộ đầy đủ, thường xuyên thông tin, dữ liệu thủ tục hành chính, trạng thái, kết quả xử lý hồ sơ thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến để việc theo dõi, đánh giá chính xác, hiệu quả phục vụ cho công tác chỉ đạo, điều hành, nâng cao chất lượng thực hiện thủ tục hành chính.

*Nguồn: tcnn.vn*

## MỘT CỬA QUỐC GIA GIẢM ÁP LỰC HỒ SƠ CHO CÁ DOANH NGHIỆP VÀ CÁ NHÂN

Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hiện ngành nông nghiệp có 30 thủ tục xuất nhập khẩu đang thực hiện qua Một cửa Quốc gia.

Thống kê đến nay, các đơn vị trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiếp nhận trên 1,2 triệu hồ sơ qua Một cửa Quốc gia, hiện cơ bản xử lý, cấp phép điện tử đúng hạn cho doanh nghiệp, cá nhân, tổ chức. Trong đó, chiếm tỷ lệ hồ sơ nhiều nhất thuộc lĩnh vực kiểm dịch động vật và kiểm dịch thực vật hàng hóa xuất nhập khẩu.

Theo chia sẻ của lãnh đạo Trạm Kiểm dịch động vật Nội Bài, Chi cục Kiểm dịch động vật vùng 1 - Cục Thú y, thống kê từ 2020 đến nay, đơn vị không để bộ hồ sơ xuất nhập khẩu nào bị quá thời hạn theo quy định.

Đặc biệt, để thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp đến làm thủ tục, tại bộ phận Một cửa Quốc gia, Trạm Kiểm dịch động vật Nội Bài luôn phân công cán bộ chuyên môn túc trực

hướng dẫn và bố trí 3 máy tính, 1 máy in kết nối internet hỗ trợ việc khai thông tin trên hệ thống điện tử một cửa.

Trạm cũng bố trí hai bảng niêm yết và niêm yết đầy đủ các thủ tục hành chính kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật xuất, nhập khẩu theo Quyết định số 3594/QĐ-BNNPTNT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Ông Phạm Thanh An, Trạm Kiểm dịch động vật Nội Bài, Chi cục Kiểm dịch động vật vùng I chia sẻ: Hiện tại chúng tôi đang triển khai thực hiện các thủ tục trên cổng thông tin một cửa quốc gia bao gồm: Thủ tục kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn nhập khẩu; Thủ tục kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu.

Việc triển khai thực hiện Cơ chế một cửa quốc gia đã giúp tiết kiệm rất nhiều thời gian và chi phí cho doanh nghiệp. Nếu như trước đây doanh nghiệp thường phải mất chi phí từ 1 - 3 ngày để giải quyết thủ tục hành chính, hiện nay chỉ trong vòng 1 ngày thậm chí nửa ngày đã giải quyết hoàn toàn thủ tục hành chính.

Còn chia sẻ của lãnh đạo, cán bộ làm việc tại Cục Bảo vệ thực vật, việc cấp phép hồ sơ, chứng thư liên quan tới thủ tục xuất nhập khẩu thuộc lĩnh vực kiểm dịch thực vật, thức ăn chăn nuôi không chỉ giúp doanh nghiệp, người dân tiết kiệm thời gian, công sức, tiền bạc mà còn góp phần rất lớn giảm áp lực, cường độ công việc luôn quá tải của đội ngũ làm việc ở bộ phận Một cửa tại các Chi cục kiểm dịch thực vật vùng.

Bà Vũ Thị Minh Huyền, Bộ phận Một cửa, Chi cục Kiểm dịch thực vật vùng I - Cục Bảo vệ thực vật cho biết: Trước kia nếu chỉ thực hiện hồ sơ giấy, thời gian làm việc dài hơn, khoảng 7h-7h30 chúng tôi mới được tan làm và phải làm cả ngày thứ 7. Nay làm một cửa, khoảng thời gian được rút ngắn hơn, khoảng 6h tối là xong việc, thứ 7 chỉ phải làm buổi sáng.

Ông Bùi Tâm Linh, Giám Đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ thương mại Sơn Tùng Anh, một doanh nghiệp chuyên làm thủ tục kiểm dịch thực vật qua Chi cục Kiểm dịch thực vật vùng I cho biết, thủ tục bây giờ rất thuận tiện so với trước, doanh nghiệp của ông chỉ khai báo trên hệ thống một cửa quốc gia, nếu viết sai chỉ cần sửa trên hệ thống. Sau khi được tiếp nhận xong, hiện hóa đơn, biên lai cũng là điện tử hết, doanh nghiệp chỉ cần đi một lần là được kết quả.

Có thể nói, trong thời gian vừa qua, với sự chỉ đạo sát sao, bài bản của Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã thực hiện nghiêm túc, hiệu quả công tác cải cách hành chính, đặc biệt là nhiệm vụ Một cửa Quốc gia và một cửa Asean.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã, đang và sẽ luôn xác định, cải cách thủ tục hành chính giữ vai trò quan trọng trong hội nhập quốc tế, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp trong nước phát triển, đủ sức cạnh tranh với nông sản các nước trong khu vực và trên thế giới.

*Nguồn: nongnghiep.vn*

## ĐẨY MẠNH HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ

Ngày 07/12, Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức Hội thảo “Thúc đẩy hoạt động đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp và định hướng của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia giai đoạn 2021 - 2025” theo hình thức trực tiếp kết hợp trực tuyến.

Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia được Chính phủ thành lập và đi vào hoạt động từ 2015. Ngay sau khi đi vào hoạt động, Quỹ tập trung ưu tiên tài trợ để thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo đặt hàng của Nhà nước; nhiệm vụ khoa học và công nghệ có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội, chuyển giao các công nghệ cao, công nghệ tiên tiến do tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đề xuất.

### **Doanh thu tăng cao nhờ đổi mới công nghệ**

Được Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia hỗ trợ thực hiện dự án “Hoàn thiện công nghệ chế biến các sản phẩm dừa tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long”, công ty Chế biến dừa Lương Quới đã nghiên cứu ứng dụng công nghệ tách chiết ly tâm cao tốc để loại bỏ các axit béo không có lợi, công nghệ tiệt trùng không gia nhiệt để khử trùng nhưng không phá hủy các vitamin trong nước dừa. Đồng thời, áp dụng công nghệ đóng hộp phi kim loại đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe về an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường.

Giám đốc Công ty chế biến dừa Lương Quới Cù Văn Thành cho biết, dự án đã nâng cao giá trị cho trái dừa. Bình quân mỗi năm doanh nghiệp tiêu thụ 75 triệu trái dừa, dự kiến sẽ mở rộng quy mô và tăng công suất lên gấp đôi để tiêu thụ 150 triệu trái dừa/năm. Hiện nay sản phẩm nước dừa giải khát đóng hộp đã đóng góp hơn 250 tỷ đồng vào doanh thu của doanh nghiệp.

Trong lĩnh vực y dược, ông Nguyễn Hữu Vũ, Giám đốc TNHH Dược Hanvet cho biết, công ty đã ứng dụng một số công nghệ tiên tiến thông qua việc thực hiện dự án “Đổi mới công nghệ sản xuất vaccine virus thú y đạt tiêu chuẩn GMP - WHO bằng công nghệ nuôi cấy tế bào (Micro carrier) và phôi trứng” do Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia hỗ trợ.

Việc đổi mới công nghệ thành công đã giúp doanh nghiệp hoàn thiện được 2 công nghệ nuôi cấy tế bào Micro carrier và phôi trứng với các thiết bị tiên tiến hiện đại, từ đó đã mang lại các loại vaccine có chất lượng vượt trội và năng suất tăng lên. Quy trình sản xuất được tối ưu hóa giúp giảm giá thành sản phẩm xuống một nửa. Các sản phẩm ngày càng được người sử dụng tin dùng, từng bước thay thế các vaccine ngoại nhập.

Hiệu quả của dự án cũng được phản ánh rõ nét qua doanh thu từ các sản phẩm triển khai trong dự án. Năm 2020, trước khi kết thúc dự án, doanh thu các sản phẩm của Hanvet chỉ đạt khoảng 23,5 tỷ đồng. Riêng 6 tháng đầu năm 2021, doanh thu đã đạt trên 29 tỷ đồng. Đặc biệt, trong năm 2021, hàng triệu liều vaccine được sản xuất trên công nghệ của dự án đã được Hanvet xuất khẩu sang Myanmar, Philippines, Bangladesh...

### **Cần đơn giản hóa thủ tục hành chính**

Phát biểu tại Hội thảo, Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Trần Văn Tùng cho biết, chủ trương và chiến lược thúc đẩy doanh nghiệp đổi mới công nghệ, lấy doanh nghiệp làm



trung tâm của hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia được thể hiện trong nhiều nghị quyết của Đảng, Quốc hội và Chính phủ.

Sau 5 năm hoạt động, Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia đã đẩy mạnh hoạt động tài trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, theo tinh thần phục vụ, lấy doanh nghiệp làm trung tâm và là chủ thể của hoạt động đổi mới công nghệ, đem lại hiệu quả cao trong sản xuất kinh doanh.

Trong bối cảnh COVID-19 hiện nay, Thứ trưởng Trần Văn Tùng mong muốn các doanh nghiệp tích cực nghiên cứu, chuyển giao, đổi mới và hoàn thiện công nghệ để cùng tham gia giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội của đất nước. Việc hỗ trợ từ cơ quan quản lý, từ phía Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia sẽ mang lại nhiều hiệu quả tích cực hơn nữa.

Giám đốc Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia Nguyễn Đình Bình cho hay, giai đoạn 2015 - 2020, Quỹ đã tiếp nhận trên 1.000 ý tưởng đổi mới công nghệ do các doanh nghiệp đề xuất. Các đối tượng được Quỹ xem xét, tài trợ là các doanh nghiệp nhỏ và vừa đang hoạt động tại 35 tỉnh, thành phố.

Thông qua các nhiệm vụ tài trợ, đã huy động được 782 tỷ đồng từ doanh nghiệp cho các dự án đang thực hiện. Với các các nhiệm vụ đang xem xét đề xuất, dự kiến huy động được 4.083 tỷ đồng từ doanh nghiệp có dự án đổi mới công nghệ tham gia.

Doanh thu của các doanh nghiệp hàng năm sau khi đổi mới công nghệ tăng thêm 4.000 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 800 tỷ đồng, nộp ngân sách nhà nước 300 tỷ đồng/năm (lớn hơn ngân sách nhà nước tài trợ). Theo cả chu kỳ công nghệ (5 - 7 năm), doanh thu, lợi nhuận, thuế nộp ngân sách sẽ lớn gấp nhiều lần phần ngân sách Nhà nước tài trợ. Đổi mới, cải tiến và phát triển gần 50 công nghệ, giải pháp, dây chuyền và thiết bị được ứng dụng trực tiếp tại các doanh nghiệp, mang lại hiệu quả kinh tế cao.

Định hướng giai đoạn 2021 - 2025, nhằm xây dựng Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia tiếp tục phát triển, hoạt động hiệu quả, ngày 29/1/2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 04/2021/QĐ-TTg Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia. Theo Điều lệ mới, quy mô vốn điều lệ của Quỹ tăng từ 1.000 tỷ đồng lên 2.000 tỷ đồng.

Góp ý về hoạt động của Quỹ trong thời gian tới, Chủ tịch Hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam Nguyễn Văn Thân cho rằng, để thực hiện mục tiêu Quỹ tiếp nhận ít nhất 1000 tỷ đồng đến cuối năm 2025 thì việc kêu gọi nguồn lực xã hội và viện trợ từ nước ngoài là rất cần thiết. Tuy nhiên, để thực hiện được điều này thì cần phải có sự “bứt phá”, “khác lạ” và đâu đó có tính “mạo hiểm” trong hoạt động của Quỹ.

“Để các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa có thể tiếp cận dễ dàng hơn với các chính sách hỗ trợ của Quỹ thì các thủ tục hành chính cần phải đơn giản hóa hơn nữa, cụ thể như các thủ tục, hồ sơ mà ngân hàng đã thẩm định thì Quỹ không cần thẩm định lại vì trách nhiệm đã được phân định rõ ràng”, ông Nguyễn Văn Thân đề xuất.

Ngoài ra, công tác phối hợp giữa Quỹ và ngân hàng cũng phải thật sự “nhuần nhuyễn” và thống nhất để tránh trường hợp vì sự chênh lệch trong tư duy, trình độ, năng lực của hai bên khiến cho doanh nghiệp không thể tiếp cận được với chính sách hỗ trợ.

*Nguồn: baohinhphu.vn*

## TỔNG CỤC HẢI QUAN: ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

Tổng cục Hải quan ban hành Quyết định số 2764/QĐ-TCHQ về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2025. Theo đó, trong giai đoạn tới, Tổng cục Hải quan tập trung cải cách hành thể chế, cải cách thủ tục hành chính, cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, cải cách chế độ công vụ...

Mục đích của Kế hoạch nhằm tiếp tục xây dựng nền hành chính phục vụ Nhân dân, chuyên nghiệp, hiện đại, tinh gọn, bảo đảm công khai, minh bạch, quản lý thống nhất, hiệu lực, hiệu quả trên cơ sở quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng về đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân trong giai đoạn 2021 - 2025.

Kế hoạch nêu rõ, cải cách hành chính trong lĩnh vực hải quan phải xuất phát từ lợi ích của người dân, doanh nghiệp; lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp là thước đo đánh giá chất lượng phục vụ của các đơn vị hải quan.

Các nội dung cải cách hành chính phải được tiến hành đồng bộ, thống nhất, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với điều kiện thực tiễn và góp phần thúc đẩy thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển của ngành Hải quan theo từng giai đoạn.

Cùng với đó, cải cách hành chính trong ngành Hải quan cần gắn với nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy và hành động sáng tạo; đổi mới lề lối làm việc, phương thức quản trị hiện đại, trên cơ sở đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, thực hiện đồng thời với việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành, thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan hành chính...

Đồng thời, cải cách hành chính phải gắn liền với việc thực hiện Chiến lược phát triển Hải quan giai đoạn 2021 - 2030 và Kế hoạch cải cách, phát triển và hiện đại hóa ngành Hải quan giai đoạn 2021 - 2025.

Ngoài các nội dung trên, Kế hoạch cũng nêu rõ các nội dung cần triển khai: Cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính; cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; cải cách chế độ công vụ; cải cách tài chính công và xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

Trong đó, trong 5 năm tới, ngành Hải quan sẽ chú trọng cải cách thể chế hải quan và nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và sự phát triển của Ngành.

*Nguồn: tapchitaichinh.vn*

## MỘT SỐ ĐỀ XUẤT MỚI:

**\* Bộ Tài chính đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân với dự thảo Thông tư quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2022.**

Về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước, dự thảo nêu rõ: Phân chia nguồn thu thuế bảo vệ môi trường đối với sản phẩm xăng, dầu giữa ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước trên cơ sở sản lượng xăng, dầu trong nước sản xuất, bán ra trong kỳ kế hoạch so với sản lượng xăng, dầu kế hoạch do doanh nghiệp đầu mỗi bán ra. Theo đó: 48% số thu thuế bảo vệ môi trường đối với sản phẩm xăng, dầu là khoản thu phân chia giữa ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương; 52% số thu thuế bảo vệ môi trường điều tiết 100% số thu về ngân sách Trung ương.

Nguồn thu phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện ô tô (sau khi trừ chi phí tổ chức thu) nộp ngân sách Trung ương 100% và thực hiện phân chia 65% cho ngân sách Trung ương và bổ sung có mục tiêu 35% cho ngân sách địa phương để chi cho quản lý, bảo trì đường bộ.

Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương và số bổ sung cân đối của ngân sách Trung ương cho ngân sách địa phương áp dụng riêng cho năm 2022. Căn cứ tình hình thực tế, năm 2023, Quốc hội sẽ quy định lại cho phù hợp.

**Giao dự toán thu ngân sách nhà nước tối thiểu bằng mức dự toán thu ngân sách nhà nước Thủ tướng Chính phủ giao**

Theo dự thảo, các bộ, cơ quan Trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai giao nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước năm 2022 cho các đơn vị trực thuộc, chính quyền cấp dưới đảm bảo tối thiểu bằng mức dự toán thu ngân sách nhà nước Thủ tướng Chính phủ giao.

Việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2022 phải trên cơ sở rà soát, phân tích, đánh giá đầy đủ các nguồn thu phát sinh và kết quả thực hiện thu ngân sách năm 2021; căn cứ các chính sách, pháp luật về thu ngân sách; dự báo mức tăng trưởng kinh tế của từng ngành, từng lĩnh vực, tình hình sản xuất - kinh doanh của người nộp thuế trên địa bàn.

Đối với các cơ quan, đơn vị hành chính nhà nước đang được áp dụng cơ chế tài chính, thu nhập đặc thù của đơn vị theo phê duyệt của cấp có thẩm quyền sử dụng nguồn thu ngoài ngân sách nhà nước theo quy định, thực hiện giảm tối thiểu 15% chi thường xuyên (sau khi đã loại trừ chi tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương và các khoản chi trực tiếp cho con người) so với năm 2021 ngay từ khâu kế hoạch.

**Phân bổ và giao dự toán chi ngân sách nhà nước, bố trí kinh phí phòng, chống dịch COVID-19**

Đối với phân bổ và giao dự toán chi đầu tư phát triển: Căn cứ tổng mức vốn và cơ cấu vốn được Thủ tướng Chính phủ giao, các Bộ, cơ quan Trung ương và địa phương phân bổ vốn đầu tư ngân sách nhà nước bảo đảm tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, tuân thủ điều kiện, thứ tự ưu tiên quy định trong Luật Đầu tư công, Nghị quyết của Quốc hội, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2022. Các Bộ, cơ quan Trung ương và địa phương gửi kết quả phân

bỏ về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo Chính phủ và theo dõi thực hiện, đồng gửi Bộ Tài chính để kiểm soát việc giải ngân theo quy định.

Đối với phân bổ và giao dự toán chi thường xuyên: Các Bộ, cơ quan Trung ương và các địa phương phân bổ, giao dự toán chi thường xuyên cho các đơn vị sử dụng ngân sách phải đảm bảo khớp đúng dự toán được Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính giao, Hội đồng nhân dân quyết định, Ủy ban nhân dân giao cả về tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực chi.

Ngoài các nội dung nêu trên, khi phân bổ dự toán chi ngân sách năm 2022, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cần chú ý: Dành tối thiểu 30% ngân sách y tế cho công tác y tế dự phòng; ưu tiên bố trí kinh phí cho y tế cơ sở, bệnh viện vùng khó khăn, biên giới, hải đảo, các lĩnh vực phong, lao, tâm thần và các lĩnh vực khác theo Nghị quyết số 20-NQ/TW của Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới. Đồng thời, chủ động bố trí kinh phí đảm bảo cho công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19.

**\* Bộ Tài chính đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân với dự thảo Thông tư hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí chi thường xuyên thực hiện Chương trình trọng điểm quốc gia phát triển Toán học giai đoạn 2021 - 2030.**

Nguồn kinh phí thực hiện Chương trình bao gồm nguồn ngân sách Nhà nước chi thường xuyên được bố trí trong dự toán ngân sách Nhà nước hàng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương theo phân cấp quản lý về ngân sách; nguồn tài trợ, hỗ trợ, huy động hợp pháp từ các tổ chức, cá nhân theo quy định.

Dự thảo quy định rõ các nội dung chi thực hiện nhiệm vụ triển khai chương trình giáo dục phổ thông môn Toán, đào tạo tài năng và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ngành Toán.

Theo đó, chi đào tạo, bồi dưỡng cho học sinh, sinh viên học viên sư phạm ngành Toán, giáo viên môn Toán cốt cán, giáo viên trung học phổ thông chuyên Toán; tổ chức các khóa bồi dưỡng dành cho học sinh, sinh viên về các chủ đề thời sự trong Toán hiện đại nhằm phát hiện và bồi dưỡng tài năng Toán học; bồi dưỡng giảng viên môn Toán các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp: Nội dung và mức chi áp dụng theo quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

Đối với các học viên là học sinh, sinh viên ngoại tỉnh được tuyển chọn tham gia các lớp đào tạo nhân tài Toán học theo quyết định của Bộ Giáo dục và Đào tạo được hỗ trợ chi phí đi lại, phòng nghỉ và phụ cấp lưu trú theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC.

Chi học bổng khuyến khích để thu hút và nâng cao chất lượng đối với sinh viên ngành Toán được Hội đồng xét cấp học bổng xét chọn theo tiêu chí quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Mức học bổng bằng mức trần học phí hiện hành của chuyên ngành Toán tại các cơ sở giáo dục đại học quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ. Học bổng được cấp theo từng kỳ học và cấp 10 tháng trong năm học.

Chi xây dựng, cập nhật, chuẩn hóa các chương trình đào tạo trình độ đại học, sau đại học các khoa học về Toán cũng như khối kiến thức Toán học trong các chuyên ngành, lĩnh vực khác: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 76/2018/TT-BTC.

Bên cạnh đó, dự thảo cũng đề xuất các nội dung chi đối với nhiệm vụ thúc đẩy nghiên cứu ứng dụng Toán học, chú trọng phát triển một số lĩnh vực có nhu cầu cao trong cách mạng công nghiệp lần thứ tư, bao gồm: Chi tổ chức các diễn đàn, hội nghị, hội thảo khoa học về các chủ đề Toán ứng dụng và Toán trong công nghiệp; chi thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu ứng dụng Toán để giải quyết các vấn đề trọng tâm trong phát triển kinh tế - xã hội; hỗ trợ nghiên cứu và phát triển các công nghệ cốt lõi của chuyển đổi số có hàm lượng Toán học cao...

**\* Tại dự thảo Thông tư quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách Nhà nước năm 2022, Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể việc thực hiện cơ chế tạo nguồn năm 2022 để thực hiện tiền lương, trợ cấp.**

Theo dự thảo, các bộ, cơ quan trung ương trên cơ sở dự toán ngân sách Nhà nước được giao, cân đối sắp xếp các nhiệm vụ chi đảm bảo đủ nguồn thực hiện mức lương cơ sở 1,49 triệu đồng/tháng, ngân sách Trung ương không bổ sung.

Đồng thời, tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn để tích lũy thực hiện cải cách tiền lương theo quy định; trong đó khi phân bổ và giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc phải xác định dành tiết kiệm 10% chi thường xuyên năm 2022 tăng thêm (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ), bảo đảm không thấp hơn mức Bộ Tài chính giao (nếu có).

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khi phân bổ và giao dự toán ngân sách cho ngân sách cấp dưới phải xác định dành tiết kiệm 10% dự toán chi thường xuyên năm 2022 (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) theo quy định để tích lũy thực hiện tiền lương giai đoạn 2022 - 2025, đảm bảo không thấp hơn mức Bộ Tài chính giao.

Dự thảo nêu rõ, năm 2022, các địa phương thực hiện tạo nguồn để tích lũy thực hiện cải cách tiền lương giai đoạn 2022 - 2025, gồm: 70% tăng thu ngân sách địa phương năm 2021 thực hiện so với dự toán, (không kể thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết; tiền thuê đất một lần được nhà đầu tư ứng trước để bồi thường, giải phóng mặt bằng và thu từ xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị được cơ quan có thẩm quyền quyết định sử dụng để chi đầu tư theo quy định; thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa; phí tham quan các khu di tích, di sản thế giới; phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu; phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản; thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã; thu tiền cho thuê, cho thuê mua, bán nhà thuộc sở hữu nhà nước và khoản thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải) được Thủ tướng Chính phủ giao; Nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2021 chưa sử dụng hết chuyển sang; 10% tiết kiệm chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) dự toán năm 2022 đã được cấp có thẩm quyền giao; Sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ năm 2022. Riêng đối với số thu từ việc cung cấp các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, y tế dự phòng và dịch vụ y tế khác của cơ sở y tế công lập sử dụng tối thiểu 35%.

Trường hợp đã sử dụng hết nguồn ngân sách địa phương, nguồn lực hợp pháp để chi phòng, chống dịch COVID-19 và cam kết bảo đảm đủ nguồn để thực hiện cải cách chính sách

tiền lương, các địa phương được sử dụng nguồn cải cách chính sách tiền lương còn dư để bổ sung dự toán chi phòng, chống dịch COVID-19 trong năm 2021 và năm 2022 (phần ngân sách địa phương đảm bảo).

**\* Bộ Y tế đang lấy ý kiến của Nhân dân đối với dự thảo Thông tư quy định đánh giá và công nhận chất lượng bệnh viện.**

Theo dự thảo, mục đích đánh giá chất lượng nhằm xác định mức chất lượng đạt được; xác định các ưu điểm, nhược điểm và các vấn đề tồn tại; cung cấp bằng chứng cho việc lập kế hoạch cải tiến chất lượng, duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động của bệnh viện; công nhận mức chất lượng đạt được, thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng của bệnh viện.

Việc đánh giá nội bộ và đánh giá của cơ quan quản lý là bắt buộc theo quy định hằng năm của Bộ Y tế. Việc đánh giá của các cơ quan, tổ chức đánh giá cần tuân thủ theo các nguyên tắc: Tính trung thực; tính công bằng, khách quan; tính khoa học, đánh giá dựa trên bằng chứng; tính thận trọng nghề nghiệp; tính bảo mật thông tin; tính chuyên nghiệp.

Dự thảo nêu rõ quy trình đánh giá và công nhận chất lượng được thực hiện theo các bước: 1) Tự đánh giá (do bệnh viện thực hiện); 2) Đánh giá ngoài (do đoàn đánh giá độc lập hoặc của cơ quan quản lý); 3) Công nhận mức chất lượng.

Bên cạnh đó, dự thảo nêu rõ, tự đánh giá do bệnh viện thực hiện ít nhất 1 lần trong năm; đánh giá ngoài do đoàn đánh giá của cơ quan quản lý thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Y tế hằng năm; đánh giá ngoài do đoàn đánh giá của tổ chức độc lập thực hiện sau khi có đề nghị chính thức của bệnh viện. Các bệnh viện sau khi thành lập được đề nghị cơ quan quản lý đánh giá công nhận chất lượng trong vòng 1 năm kể từ khi chính thức hoạt động.

Theo dự thảo, kết quả đánh giá chất lượng được công bố theo các mức: Mức 1. Chất lượng kém; Mức 2. Chất lượng trung bình; Mức 3. Chất lượng khá; Mức 4. Chất lượng tốt; Mức 5. Chất lượng rất tốt.

Các mức chất lượng được chi tiết hóa theo kết quả đánh giá đạt được của các bộ tiêu chuẩn, tiêu chí.

Kết quả tự đánh giá và đoàn đánh giá của cơ quan quản lý có giá trị từ sau khi công bố kết quả đến lần đánh giá tiếp theo. Kết quả đánh giá của đoàn đánh giá độc lập được Bộ Y tế công nhận có giá trị trong 3 năm liên tiếp.

Bộ Y tế thành lập Hội đồng quốc gia về chất lượng bệnh viện và được kiện toàn 3 năm 1 lần. Hội đồng có trách nhiệm xem xét, kiểm tra, giám sát, tổng hợp kết quả đánh giá chất lượng bệnh viện của các tổ chức đánh giá độc lập.

Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành quyết định cấp chứng nhận chất lượng ở mức tốt và rất tốt cho các bệnh viện đạt yêu cầu. Lãnh đạo các cơ quan quản lý được công bố kết quả đánh giá chất lượng của các bệnh viện trên địa bàn. Cơ quan quản lý trực tiếp cấp chứng nhận chất lượng ở mức kém, trung bình, khá cho các bệnh viện trực thuộc.

**\* Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đang lấy ý kiến của Nhân dân đối với dự thảo Thông tư hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia.**

Dự thảo Thông tư này hướng dẫn quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người lao động, viên chức, Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản lý, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Kiểm soát viên của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia theo quy định tại Quyết định số 04/2021/QĐ-TTg ngày 29/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia (Quỹ).

Theo dự thảo, người lao động làm việc theo hợp đồng lao động xếp lương theo thang lương, bảng lương, phụ cấp lương do Quỹ xây dựng theo quy định tại Điều 93 của Bộ luật Lao động và phải có ý kiến của cơ quan đại diện chủ sở hữu trước khi ban hành.

Đối với viên chức làm việc tại Quỹ thì tiếp tục xếp lương, phụ cấp lương theo quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

Bên cạnh đó, dự thảo cũng nêu rõ quản lý lao động, xác định quỹ tiền lương, tạm ứng quỹ tiền lương, phân phối tiền lương, tiền thưởng. Theo đó, Quỹ thực hiện quản lý lao động theo quy định tại Mục 2 Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Viên chức và người lao động được hưởng tiền lương, tiền thưởng từ quỹ tiền lương, tiền thưởng do Quỹ xác định theo quy định sau: a) Quỹ tiền lương (kế hoạch và thực hiện), việc tạm ứng và phân phối tiền lương, tiền thưởng đối với viên chức và người lao động được thực hiện theo quy định tại Điều 9, 10, 13 Mục 3 và Mục 4 Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH; b) Khi xác định mức tiền lương bình quân kế hoạch, mức tiền lương bình quân thực hiện để tính quỹ tiền lương (kế hoạch và thực hiện) theo quy định tại Điều 9 và Điều 14 Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH thì chỉ tiêu lợi nhuận (lợi nhuận kế hoạch, lợi nhuận thực hiện trong năm và lợi nhuận thực hiện của năm trước liền kề) được tính bằng chỉ tiêu số chênh lệch giữa tổng số thu nhập và tổng số chi phí của Quỹ.

Khi xác định quỹ tiền lương (kế hoạch và thực hiện) của viên chức và người lao động, nếu có yếu tố khách quan tác động trực tiếp đến năng suất lao động, chênh lệch thu trừ chi thì phải xác định loại trừ, bảo đảm tiền lương gắn với năng suất lao động, hiệu quả hoạt động thực sự của Quỹ.

Việc loại trừ ảnh hưởng của yếu tố khách quan đến năng suất lao động, chênh lệch thu trừ chi của Quỹ phải được lượng hóa bằng giá trị cụ thể.

**\* Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang dự thảo Nghị định quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.**

Theo dự thảo, điều kiện hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị là: Dự án, kế hoạch liên kết phải xác định được kết quả về chỉ số tạo việc làm, mức tăng thu nhập, đóng góp phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương theo kế hoạch năm và thời điểm kết thúc dự án.

Chủ trì liên kết và các bên liên kết phải có hợp đồng hoặc biên bản hợp tác về đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật, cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, tổ chức sản xuất, thu hoạch, sơ chế, chế biến, thu mua, tiêu thụ sản phẩm.

Tối thiểu 50% phần kinh phí hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước phải được dùng để hỗ trợ các hoạt động phát triển sản xuất liên quan trực tiếp đến bên liên kết.

Nội dung hỗ trợ từ vốn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia bao gồm: Chi phí tư vấn, xây dựng liên kết; đào tạo kỹ thuật sản xuất; tập huấn nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường; vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng, vật nuôi; quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ...

Về mức hỗ trợ từ vốn chương trình mục tiêu quốc gia: Hỗ trợ tối đa không quá 80% tổng chi phí và không vượt quá 10 tỷ đồng thực hiện 1 dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn đặc biệt khó khăn.

Hỗ trợ tối đa không quá 70% tổng chi phí và không vượt quá 8 tỷ đồng thực hiện 1 dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn khó khăn.

Hỗ trợ tối đa không quá 50% tổng chi phí và không vượt quá 5 tỷ đồng thực hiện 1 dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư của các chương trình mục tiêu quốc gia.

*Nguồn: baochinhpvu.vn*



## **HÀ NỘI: QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ TỔ CHỨC BỘ MÁY, BIÊN CHẾ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC; NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG LĨNH VỰC KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

**\* Ban hành quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động**

Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội ký Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND về ban hành quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp có vốn Nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội.

Theo đó, Quy định này quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội.

Về nguyên tắc quản lý: Đúng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; quy định rõ trách nhiệm và thẩm quyền quản lý của mỗi cấp, mỗi ngành, mỗi tổ chức, cá nhân; bảo đảm công tác quản lý được thực hiện thống nhất, hiệu quả; đồng thời phát huy quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cấp, các ngành và người đứng đầu trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

Về quản lý tổ chức bộ máy: Quản lý thành lập, tổ chức lại, giải thể; quản lý chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, quy chế và cơ chế hoạt động; điều chỉnh ngành nghề kinh doanh; quản lý đánh giá, xếp hạng (phân loại) tổ chức; quản lý quyền tự chủ đối với tổ chức.

Về quản lý vị trí việc làm và biên chế: Quản lý vị trí việc làm; quản lý biên chế công chức; quản lý số lượng người làm việc; quản lý chỉ tiêu lao động hợp đồng theo quy định.

Về quản lý cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng, người quản lý doanh nghiệp nhà nước, kiểm soát viên, người đại diện phần vốn nhà nước: Quản lý tuyển dụng công chức, viên chức, công chức phường, công chức xã, thị trấn; quản lý ngạch, chức danh nghề nghiệp và chế độ tiền lương; quản lý tiếp nhận, điều động, biệt phái, đi chuyên gia, đi phu nhân/phụ quân; quản lý quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, thôi giữ chức vụ và chính sách khác đối với lãnh đạo quản lý; quản lý đào tạo, bồi dưỡng; quản lý chế độ, chính sách (thôi việc, nghỉ hưu, nghỉ việc riêng, nghỉ không hưởng lương; hồ sơ cán bộ; báo cáo, thống kê; đánh giá, khen thưởng, kỷ luật và các chính sách khác theo quy định).

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30/11/2021, thay thế Quyết định số 14/2017/QĐ-UBND ngày 13/4/2017 của Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội ban hành quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, công chức, viên chức, lao động hợp đồng trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội và Quyết định số 15/2017/QĐ-UBND ngày

13/4/2017 của Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội ban hành quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, lao động hợp đồng trong các cơ quan hành chính thuộc TP. Hà Nội.

Riêng quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức phường công tác tại 175 phường theo mô hình chính quyền đô thị chưa được nêu tại quy định này thực hiện theo Nghị định số 32/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 97/2019/QH14 ngày 27/11/2019 của Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội và theo quy định riêng triển khai Nghị định số 32/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

**\* Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công lĩnh vực kế hoạch và đầu tư**

Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội ban hành Kế hoạch số 273/KH-UBND về cải thiện, nâng cao mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với chất lượng cung cấp dịch vụ công lĩnh vực kế hoạch và đầu tư giai đoạn 2021 - 2025.

Kế hoạch nhằm cụ thể hóa Chương trình số 01-CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy Hà Nội về “Tăng cường công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị thành phố trong sạch, vững mạnh; đẩy mạnh cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2025”.

Theo đó, căn cứ các nội dung trong kế hoạch, thành phố sẽ tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước hằng năm nhằm tạo động lực để cán bộ, công chức, viên chức thực thi công vụ có chất lượng và hiệu quả cao; nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính và chất lượng dịch vụ công.

Đồng thời, tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong việc triển khai nhiệm vụ, giải pháp nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công để phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô đến năm 2025.

Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công lĩnh vực kế hoạch và đầu tư nhằm cải thiện mức độ hài lòng của công dân, tổ chức đối với việc cung cấp dịch vụ công giai đoạn 2021 - 2025, phấn đấu đến năm 2023 đạt trên 85%, và đến năm 2025 đạt 90-95%.

*Nguồn: tcnn.vn/hanoimoi.com.vn*

## **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH: PHÊ DUYỆT ĐỀ ÁN XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA SỞ, BAN, NGÀNH, QUẬN, HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN**

Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 4000/QĐ-UBND về phê duyệt Đề án xác định Chỉ số cải cách hành chính của sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, quận, huyện trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (Đề án).

Mục tiêu của Đề án nhằm xác định Chỉ số cải cách hành chính để theo dõi, đánh giá một cách toàn diện, thực chất, khách quan và công bằng, kịp thời, phản ánh đầy đủ, đa chiều kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính hàng năm của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân TP. Thủ Đức, quận, huyện trên địa bàn thành phố trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình hành động của Thành ủy, Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn

2021 - 2025 của thành phố, hướng tới thực hiện chương trình cải cách hành chính, nâng cao Chỉ số cải cách của thành phố giai đoạn 2020 - 2025, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ nhằm nâng cao chất lượng phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước đối với người dân và doanh nghiệp, tạo môi trường hành chính, môi trường kinh doanh bình đẳng, thông thoáng, thuận lợi, minh bạch.

Đề án cũng xây dựng bộ tiêu chí, thang điểm, phương pháp đánh giá phù hợp để từ đó đánh giá được Chỉ số cải cách hành chính của từng sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân TP. Thủ Đức, quận, huyện. Theo đó, hàng năm, tổ chức triển khai thực hiện và công bố Chỉ số cải cách hành chính của sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân TP. Thủ Đức, quận, huyện để kịp thời chấn chỉnh, tuyên truyền và khen thưởng hoặc phê bình đối với công tác cải cách hành chính; tạo động lực cho cán bộ, công chức, viên chức nâng cao ý thức trách nhiệm, tập trung chỉ đạo, thực hiện nhiệm vụ tốt hơn, làm cơ sở đánh giá trách nhiệm của người đứng đầu trong nhiệm vụ cải cách hành chính chính phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Đồng thời, Đề án nhằm chú trọng công tác cải cách hành chính hướng tới xây dựng chính quyền đô thị và cải thiện môi trường đầu tư của thành phố, góp phần nâng cao Chỉ số cải cách hành chính hàng năm của thành phố.

Theo Quyết định, Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh đưa ra 05 giải pháp, cụ thể:

1. Nâng cao trách nhiệm và hiệu quả chỉ đạo điều hành của các ngành, các cấp đối với việc xác định Chỉ số cải cách hành chính: Chỉ đạo việc thực hiện các nội dung cải cách hành chính một cách nghiêm túc, có hiệu quả theo kế hoạch cải cách hành chính hàng năm và theo từng giai đoạn; Chỉ đạo việc thực hiện công tác theo dõi, đánh giá cải cách hành chính một cách thường xuyên, thực chất, liên tục, bảo đảm trung thực, khách quan trong việc tổng hợp, thống kê, đánh giá, báo cáo kết quả cải cách hành chính;

2. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến về Chỉ số cải cách hành chính: Việc tuyên truyền, phổ biến mục tiêu, nội dung của Chỉ số cải cách hành chính với nhiều hình thức khác nhau (hội nghị, hội thảo, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng...) nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức và tăng cường sự tham gia, phối hợp của các cơ quan, tổ chức và cá nhân trong quá trình theo dõi, đánh giá kết quả triển khai cải cách hành chính hàng năm của sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân TP. Thủ Đức, quận, huyện.

3. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác theo dõi, đánh giá cải cách hành chính tại các cơ quan, đơn vị hành chính: Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân TP. Thủ Đức, quận, huyện phân công nhiệm vụ cho công chức thực hiện công tác cải cách hành chính thực hiện công tác theo dõi, đánh giá cải cách hành chính; Sở, ban, ngành chủ trì các nội dung cải cách hành chính theo sự phân công của thành phố tại Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2020 - 2025 và hàng năm tổng hợp tình hình, kết quả triển khai cải cách hành chính đối với lĩnh vực được giao phụ trách để phối hợp với Sở Nội vụ và các sở, ban, ngành liên quan trong việc thẩm định, đánh giá kết quả triển khai cải cách hành chính của sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân TP. Thủ Đức, quận, huyện.

4. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, bảo đảm kinh phí cho công tác xác định Chỉ số cải cách hành chính: Ứng dụng phần mềm đánh giá, chấm điểm để xác định Chỉ số cải

cách hành chính đảm bảo chính xác, khách quan. Tiếp tục ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác khảo sát, từng bước thay hình thức khảo sát theo truyền thống. Bố trí đủ kinh phí cho việc thực hiện xác định Chỉ số cải cách hành chính. Kết quả đánh giá Chỉ số cải cách hành chính là điều kiện xét thi đua, khen thưởng.

5. Kết quả đánh giá Chỉ số cải cách hành chính là điều kiện xét thi đua, khen thưởng: Chi đề nghị xem xét khen thưởng đối với tập thể, Thủ trưởng sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân TP. Thủ Đức, quận, huyện và cấp phó được phân công phụ trách công tác cải cách hành chính khi Chỉ số cải cách hành chính của sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân TP. Thủ Đức, quận, huyện được xếp loại “Tốt” và tỷ lệ khen thưởng không quá 1/3 tổng số cơ quan có điểm số được xếp hạng từ cao đến thấp của từng Khối (Khối sở, ban, ngành và Khối Ủy ban nhân dân TP. Thủ Đức, quận, huyện).

Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh xem xét xử lý hoặc kiến nghị xử lý đối với Thủ trưởng của sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, quận, huyện nếu Chỉ số cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị đó có 02 năm liên tục xếp từ loại “Khá” trở xuống và bị tụt hạng so với trong Khối hoặc trong năm đánh giá bị xếp loại “Trung bình”.

Nguồn: tcnn.vn

## QUẢNG NINH: CHUYỂN ĐỔI SỐ ĐỂ PHÁT TRIỂN

Tỉnh Quảng Ninh phấn đấu toàn bộ doanh nghiệp chuyển đổi, sử dụng hóa đơn điện tử xong trong tháng 12/2021 và đôn đốc, vận động các hộ kinh doanh cá thể kê khai, chuyển đổi sang hóa đơn điện tử hoàn thành trong tháng 01/2022.

Để tiếp tục triển khai có hiệu quả Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 123/2020/NĐ-CP (ngày 19/10/2020) "Quy định về hóa đơn, chứng từ". Cùng với 5 tỉnh, thành phố là Hà Nội, Hải Phòng, TP. Hồ Chí Minh, Phú Thọ và Bình Định, ngành thuế tỉnh Quảng Ninh đã kích hoạt hệ thống hóa đơn điện tử giai đoạn 1 (từ tháng 11/2021- 3/2022).

Theo quy định tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP của Chính phủ, hóa đơn điện tử là hóa đơn có mã hoặc không có mã của cơ quan thuế được thể hiện ở dạng dữ liệu điện tử do tổ chức, cá nhân bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ lập bằng phương tiện điện tử để ghi nhận thông tin bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật về kế toán, pháp luật về thuế, bao gồm cả trường hợp hóa đơn được khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế.

Việc triển khai hệ thống hóa đơn điện tử thành công sẽ tạo nền tảng cơ sở dữ liệu quan trọng để thực hiện quản lý thuế trên nền tảng số, phục vụ đắc lực cho công cuộc chuyển đổi số của ngành Tài chính. Nhưng hơn hết, hệ thống hóa đơn điện tử được triển khai là vì quyền lợi của cộng đồng doanh nghiệp, khi việc áp dụng hóa đơn điện tử giúp các doanh nghiệp giảm chi phí in ấn, vận chuyển, lưu trữ hóa đơn; tiết giảm tối đa thời gian các thủ tục đăng ký, thông báo, báo cáo sử dụng hóa đơn, kể cả phòng tránh tình trạng bị làm giả hóa đơn. Sử

dụng hóa đơn điện tử còn tạo điều kiện để doanh nghiệp hiện đại hóa công tác quản lý, nâng cao trải nghiệm cho khách hàng; từ đó giúp doanh nghiệp nâng cao hình ảnh, thương hiệu cũng như lợi thế cạnh tranh. Áp dụng hóa đơn điện tử là xu thế tất yếu khi doanh nghiệp chuyển đổi số.

Trong xu thế chuyển đổi số, ngành Thuế tỉnh Quảng Ninh đã thành lập trung tâm điều hành triển khai hóa đơn điện tử và tổ xử lý vướng mắc về phần mềm; thiết lập đường dây nóng 24/24 nhằm hỗ trợ, xử lý kịp thời các vướng mắc cho người nộp thuế và công chức thuế; đẩy mạnh công tác tuyên truyền về chính sách và cách thức thiết lập hóa đơn điện tử.

Dù mới chính thức kích hoạt thành công hệ thống hóa đơn điện tử ngày 21/11 vừa qua, song thực tế thì hóa đơn điện tử đã được Cục Thuế tỉnh Quảng Ninh triển khai từ sớm. Hóa đơn điện tử đã được Cục Thuế tỉnh Quảng Ninh triển khai từ năm 2011 theo Thông tư số 32/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính. Ngành Thuế coi hóa đơn điện tử là một trong những giải pháp cải cách hành chính tất yếu mà doanh nghiệp và cơ quan thuế phải hướng tới nhằm minh bạch - hiệu quả trong quản lý. Đến thời điểm ngày 30/10/2021 trên địa bàn tỉnh đã có 8.530 doanh nghiệp, tổ chức đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử theo Thông tư số 32/2011/TT-BTC, chiếm 95,12% người nộp thuế đang sử dụng hóa đơn.

Để triển khai hóa đơn điện tử được thuận lợi, Cục thuế thực hiện đồng bộ rất nhiều các giải pháp và quan trọng là đẩy mạnh tuyên truyền để cộng đồng doanh nghiệp và người dân thấy được lợi ích của việc triển khai hóa đơn điện tử. Đồng thời, tăng cường hướng dẫn, đôn đốc các nhà cung cấp phần mềm, đường truyền và tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp; tăng cường đoàn kết, giao và kiểm soát những chỉ tiêu, phát động thi đua và kịp thời khen thưởng những đơn vị triển khai tốt hóa đơn điện tử.

Cục Thuế tỉnh Quảng Ninh đã khẩn trương triển khai các nhiệm vụ cần thiết theo đúng kế hoạch và lộ trình đã đề ra, như: Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh thành lập Ban Chỉ đạo triển khai hóa đơn điện tử trên địa bàn tỉnh; thành lập Ban Chỉ đạo, Tổ giúp việc triển khai hóa đơn điện tử tại Cục Thuế tỉnh; tổ chức các lớp tập huấn cho công chức toàn ngành nắm bắt về chính sách hóa đơn điện tử; tăng cường công tác tuyên truyền bằng nhiều hình thức; phối hợp với các tổ chức cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử tổ chức tập huấn cho người nộp thuế theo hình thức trực tiếp và trực tuyến; thành lập Trung tâm điều hành triển khai hóa đơn điện tử và Tổ xử lý vướng mắc về phần mềm hóa đơn điện tử để hỗ trợ, xử lý kịp thời các vướng mắc cho người nộp thuế và công chức thuế.

Sau khi hệ thống hóa đơn điện tử được kích hoạt, Cục Thuế tỉnh đã bố trí đầy đủ nhân lực đã qua tập huấn và các điều kiện kỹ thuật để tiếp nhận đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử; hệ thống tự động tiếp nhận hóa đơn của người nộp thuế khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ để được cấp mã của cơ quan thuế; tiếp nhận dữ liệu đối với hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế; kiểm soát thông tin hóa đơn điện tử, quản lý rủi ro hóa đơn điện tử. Đồng thời Cục Thuế tỉnh liên tục cập nhật, giải đáp các vướng mắc về ứng dụng và báo cáo với Tổng cục Thuế hoàn thiện ứng dụng hóa đơn điện tử; trao đổi với nhà cung cấp giải pháp để tháo gỡ vướng mắc liên quan đến giải pháp phía nhà cung cấp.

Đến ngày 30/11/2021 đã có trên 4.500 doanh nghiệp, tổ chức trên địa bàn tỉnh đăng ký và được chấp nhận đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP (chiếm khoảng 53% số doanh nghiệp, tổ chức trên địa bàn tỉnh), đảm bảo mục tiêu và tiến độ đặt ra.

Thời gian tới, ngành Thuế tỉnh tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền về hóa đơn điện tử đến cộng đồng doanh nghiệp, người nộp thuế, giúp người nộp thuế hiểu rõ về lợi ích và hiệu quả của việc sử dụng hóa đơn điện tử; mở rộng các kênh tương tác để hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp, hộ, cá nhân kinh doanh sử dụng hóa đơn điện tử thuận lợi, thành công. Cục Thuế tỉnh cũng mong muốn tiếp tục nhận được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát, thường xuyên của Tổng cục Thuế, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh; sự chung tay, phối hợp chỉ đạo, đồng hành của các cấp chính quyền địa phương; sự ủng hộ, đồng lòng của cộng đồng doanh nghiệp và sự phối hợp của các tổ chức cung cấp giải pháp đối với hệ thống hóa đơn điện tử.

Tỉnh Quảng Ninh phấn đấu đến hết ngày 31/12/2021, 100% doanh nghiệp, tổ chức; đến hết ngày 31/01/2022, 100% hộ, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp kê khai trên địa bàn tỉnh sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP và Thông tư số 78/2021/TT-BTC.

*Nguồn: dangcongsan.vn*

## THỪA THIÊN - HUẾ: SẴN SÀNG HỢP TÁC PHÁT TRIỂN CÁC DỰ ÁN CHUYỂN ĐỔI SỐ, ĐÔ THỊ THÔNG MINH

Lãnh đạo tỉnh Thừa Thiên - Huế cũng khẳng định, tỉnh luôn sẵn sàng chào đón các tổ chức quốc tế, nhà tư vấn, doanh nghiệp đến hợp tác phát triển các dự án chuyển đổi số, đô thị thông minh.

Đây là thông điệp được Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên - Huế Nguyễn Thanh Bình đưa ra tại hội thảo về thành phố thông minh do Ủy ban nhân dân Thừa Thiên - Huế phối hợp với Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) tổ chức.

Theo tin từ Cổng thông tin Thừa Thiên - Huế, tại hội thảo, lãnh đạo Sở Thông tin và Truyền thông, năm 2021 tỉnh đã chủ động triển khai nhiều hoạt động chuyển đổi số nhằm sớm thích ứng với xu thế phát triển mới trên 3 trụ cột: Chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

Đến nay, tỉnh đạt được một số thành tựu nhất định mà nổi bật là Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh Thừa Thiên - Huế (IOC) với hàng chục dịch vụ được triển khai nhằm phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của các cơ quan hành chính nhà nước; Tỉnh Thừa Thiên - Huế xếp 1/63 tỉnh/thành phố toàn quốc về chính phủ điện tử cấp tỉnh; xếp hạng 2/63 tỉnh/thành phố về ICT Index; đạt giải thưởng Viễn thông Châu Á Dự án dịch vụ đô thị thông minh với hạng mục thành phố thông minh.

Cũng theo lãnh đạo Sở Thông tin và Truyền thông, tỉnh Thừa Thiên - Huế cũng đã ưu tiên nguồn lực, hỗ trợ hệ sinh thái các doanh nghiệp trong phát triển đô thị thông minh, chuyển đổi số.

Theo các chuyên gia, kết quả nghiên cứu “Tạo dựng thành phố đáng sống” tập trung phân tích, đánh giá về những thách thức về đô thị hóa của khu vực cùng các giải pháp theo 5 lĩnh vực ưu tiên bao gồm: Quy hoạch đô thị thông minh và bao trùm; giao thông bền vững; các

nguồn năng lượng bền vững làm giảm ô nhiễm; tài chính sáng tạo để thu hẹp khoảng cách về nguồn lực; khả năng chống chịu lớn hơn trước khí hậu và thiên tai.

Ông Alexander David Nash, chuyên gia phát triển đô thị của Ngân hàng Phát triển Châu Á dự báo trong thời gian tới tỷ lệ đô thị hóa của khu vực thành phố thông minh sẽ tăng cao. Để quy hoạch các đô thị đáng sống và bền vững, lấy con người làm trung tâm và dễ dàng tiếp cận, Chính phủ nói chung và tỉnh Thừa Thiên - Huế phải thực hiện quy hoạch đô thị thông minh và bao trùm.

Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên - Huế Nguyễn Thanh Bình tin tưởng, sau hội thảo lần này, mối quan hệ hợp tác giữa tỉnh Thừa Thiên - Huế và Ngân hàng Phát triển Châu Á sẽ được tiếp tục nâng cao, giúp tỉnh Thừa Thiên Huế dần dần trở thành địa phương nằm trong nhóm đầu của cả nước về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý đô thị. Lãnh đạo tỉnh Thừa Thiên - Huế cũng khẳng định, tỉnh luôn sẵn sàng chào đón các tổ chức quốc tế, nhà tư vấn, doanh nghiệp đến hợp tác phát triển các dự án chuyển đổi số, đô thị thông minh.

Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nguyễn Thanh Bình bày tỏ mong muốn Ngân hàng Phát triển Châu Á cùng các tổ chức tiếp tục quan tâm hỗ trợ nâng cao năng lực cho tỉnh Thừa Thiên - Huế trong chuyển đổi số, xây dựng đô thị thông minh trong đó có các ứng dụng hữu ích như quản lý xã hội, môi trường, y tế, giáo dục, du lịch...

*Nguồn: ictnews.vietnamnet.vn*

## ĐẮK LẮK: ĐẨY MẠNH CHUYỂN ĐỔI SỐ, XÂY DỰNG ĐÔ THỊ THÔNG MINH

Nhằm thúc đẩy việc triển khai thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số, tỉnh Đắk Lắk đã kế hoạch chuyển đổi số, xây dựng TP. Buôn Ma Thuột trở thành đô thị thông minh.

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Đắk Lắk vừa tổ chức họp báo thông tin việc triển khai Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk, xây dựng TP. Buôn Ma Thuột trở thành đô thị thông minh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

Trước đó, nhằm thúc đẩy việc triển khai thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk và xây dựng TP. Buôn Ma Thuột trở thành đô thị thông minh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030, ngày 29/11 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ký quyết định số 3330/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk, xây dựng TP. Buôn Ma Thuột trở thành đô thị thông minh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

Theo đó, Kế hoạch xác định cụ thể nhiệm vụ, giải pháp và trách nhiệm của các cơ quan liên quan trên địa bàn toàn tỉnh, cụ thể hóa và triển khai có hiệu quả, đầy đủ, thành công các chỉ tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết 37/NQ-HĐND ngày 9/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 2/4/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk.

Gắn các mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số với nghị quyết, chiến lược, chương trình hành động, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của trung ương và các cấp, các ngành trên địa bàn. Đồng thời, cam kết đổi mới, cho phép thử nghiệm cái mới, ứng dụng công nghệ mới vì mục tiêu phát triển bền vững, liên kết các thành

phần khác nhau theo mô hình kinh tế tuần hoàn. Từ đó, thúc đẩy phát triển công nghiệp sáng tạo trong ngành, lĩnh vực, địa phương mình phụ trách; đẩy mạnh thanh toán điện tử tạo điều kiện cho thương mại điện tử phát triển.

Mục tiêu kế hoạch chuyển đổi số đặt ra là phải tạo được sự chuyển biến rõ rệt trong hoạt động của hệ thống cơ quan đảng, chính quyền các cấp trong chỉ đạo điều hành. Bên cạnh đó, nâng cao hiệu lực, hiệu quả nền hành chính của tỉnh; tạo bước đột phá trong cải cách hành chính và cung cấp dịch vụ hành chính công phục vụ người dân và doanh nghiệp. Tạo niềm tin trong Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

Theo kế hoạch, tỉnh Đắk Lắk phấn đấu đến năm 2025, phát triển chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động các cơ quan nhà nước cụ thể như: 100% dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 4; từ 90% trở lên hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, 80% trở lên hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% trở lên hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng. Phấn đấu đến năm 2025, kinh tế số chiếm 20% GRDP; phát triển 20 doanh nghiệp số có quy mô từ 500-1000 người. Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử là trên 50%. Về phát triển đô thị thông minh, triển khai có hiệu quả các dịch vụ đô thị thông minh tại TP. Buôn Ma Thuột như giám sát và điều hành kinh tế và xã hội, giám sát an ninh trật tự đô thị và điều hành giao thông, phản ánh hiện trường,...

Phó Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông Ra Lan Trương Thanh Hà cho biết, Kế hoạch nói trên đưa ra chỉ tiêu cụ thể trên 4 nội dung cơ bản gồm: Phát triển chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động các cơ quan nhà nước; phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế; phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số và phát triển đô thị thông minh. Thực hiện kế hoạch chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk nhằm tăng cường các ứng dụng dịch vụ tương tác với người dân và doanh nghiệp, tạo điều kiện cho người dân, doanh nghiệp tham gia giám sát hoạt động xử lý hành chính của các cơ quan hành chính nhà nước và tiếp cận các dịch vụ bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin giá rẻ. Đồng thời, rút ngắn khoảng cách số giữa các vùng nông thôn với thành thị, giữa các đối tượng trong xã hội.

*Nguồn: nguoiduatin.vn*



## TRÁCH NHIỆM KỶ LUẬT ĐỐI VỚI CÔNG CHỨC VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

Tham nhũng là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó vì vụ lợi. Như vậy, tham nhũng là những hành vi vi phạm gắn liền với quyền lực công, nảy sinh từ quá trình hoạt động công vụ. Bài viết phân tích những bất cập trong các quy định pháp luật về xử lý kỷ luật công chức có hành vi tham nhũng, đồng thời đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về công tác này.

### **Nhận thức về trách nhiệm kỷ luật đối với công chức vi phạm pháp luật về phòng, chống tham nhũng.**

Hiện nay, đấu tranh phòng, chống tham nhũng là vấn đề mang tính cấp thiết (1). Điều 92 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 quy định: “người có hành vi tham nhũng thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, phải bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật”. Với quy định trên có thể nhận thấy, công chức vi phạm pháp luật về phòng, chống tham nhũng thì có thể bị truy cứu trách nhiệm kỷ luật.

Việc xử lý kỷ luật công chức vi phạm pháp luật về phòng, chống tham nhũng được điều chỉnh trong Nghị định số 34/2011/NĐ-CP ngày 17/5/2011 về xử lý kỷ luật đối với công chức và Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng. Xét về mối tương quan này thì Nghị định số 34/2011/NĐ-CP có thể được xem là nghị định chung điều chỉnh vấn đề xử lý kỷ luật công chức bao gồm cả công chức vi phạm pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

### **Bất cập trong các quy định pháp luật về trách nhiệm kỷ luật đối với công chức vi phạm pháp luật về phòng, chống tham nhũng**

Thứ nhất, pháp luật hiện hành vẫn tồn tại những mâu thuẫn xoay quanh các hình thức kỷ luật áp dụng đối với công chức vi phạm pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

Khoản 1 Điều 2 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 quy định về các hành vi tham nhũng trong khu vực nhà nước do người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực nhà nước thực hiện. Tuy liệt kê các hành vi tham nhũng, nhưng Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 không quy định chế tài cụ thể đối với từng hành vi. Tham khảo mục 1 Chương XXIII Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về các tội phạm tham nhũng thì có 7 hành vi tham nhũng được xem là tội phạm quy định tại các Điều 353, 354, 355, 356, 357, 358, 359. Quy định này trùng khớp với 7 hành vi quy định từ điểm a đến điểm g Khoản 1 Điều 2 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018. Hành vi “Đưa hối lộ, môi giới hối lộ” theo điểm h Khoản 1 Điều 2 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 có chế tài quy định tại Điều 364 và Điều 365 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Như vậy, các hành vi còn lại quy định từ điểm i đến điểm m Khoản 1 Điều 2 Luật Phòng, chống

tham những năm 2018 thì không xác định được chế tài trong Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vậy, các vi phạm này sẽ bị áp dụng loại trách nhiệm pháp lý gì?

Dưới góc độ trách nhiệm kỷ luật, đối chiếu với các hình thức kỷ luật được quy định trong Nghị định số 34/2011/NĐ-CP và Nghị định số 59/2019/NĐ-CP thì hành vi “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn sử dụng trái phép tài sản công vì vụ lợi” quy định tại điểm i Khoản 1 Điều 2 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 sẽ có thể bị áp dụng hình thức kỷ luật khiển trách theo Khoản 5 Điều 9 Nghị định số 34/2011/NĐ-CP; hành vi “Những nhiều vì vụ lợi” quy định tại điểm k Khoản 1 Điều 2 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 sẽ có thể bị áp dụng hình thức kỷ luật khiển trách theo điểm a Khoản 1 Điều 83 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP; hành vi “Không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi” quy định tại điểm l Khoản 1 Điều 2 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 sẽ có thể bị áp dụng hình thức kỷ luật khiển trách theo Khoản 2 Điều 9 Nghị định số 34/2011/NĐ-CP; hành vi “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để bao che cho người có hành vi vi phạm pháp luật vì vụ lợi; cản trở, can thiệp trái pháp luật vào việc giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án vì vụ lợi” quy định tại điểm m Khoản 1 Điều 2 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 sẽ có thể bị áp dụng hình thức kỷ luật hạ bậc lương theo Khoản 2 Điều 11 Nghị định số 34/2011/NĐ-CP. Tuy nhiên, vướng mắc lại có thể phát sinh bởi theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) thì hình thức kỷ luật hạ bậc lương không thể áp dụng đối với công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý. Trong khi đó, hành vi “lợi dụng chức vụ, quyền hạn để bao che cho người có hành vi vi phạm pháp luật vì vụ lợi; cản trở, can thiệp trái pháp luật vào việc giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án vì vụ lợi” phải do người có chức vụ, quyền hạn mà đa phần là công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thực hiện. Vấn đề có tính thực tiễn đặt ra là nếu công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý có hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn để bao che cho người có hành vi vi phạm pháp luật vì vụ lợi thì người có thẩm quyền sẽ bị áp dụng hình thức kỷ luật gì? Trong trường hợp này nếu áp dụng hình thức kỷ luật hạ bậc lương thì tuy đúng về tính chất, mức độ nhưng lại không đúng đối tượng công chức. Ngược lại, nếu không áp dụng hình thức kỷ luật hạ bậc lương thì cũng sẽ rất khó khăn trong việc lựa chọn hình thức kỷ luật khác phù hợp hơn.

Thứ hai, các quy định về chế tài kỷ luật công chức vi phạm pháp luật về phòng, chống tham nhũng trong Nghị định số 34/2011/NĐ-CP và Nghị định số 59/2019/NĐ-CP chứa đựng quá nhiều các tiêu chí định tính, gây khó khăn cho quá trình áp dụng.

Nghị định số 34/2011/NĐ-CP tuy là văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành cho Luật Cán bộ, công chức năm 2008 về xử lý kỷ luật công chức, trong đó có công chức vi phạm pháp luật về phòng, chống tham nhũng nhưng vẫn còn quá nhiều những quy định không thật sự rõ ràng. Cụ thể, trong Nghị định số 34/2011/NĐ-CP có quy định mức độ nghiêm trọng của hành vi vi phạm sẽ được sử dụng làm căn cứ quyết định hình thức kỷ luật. Theo đó, hành vi vi phạm ở mức độ nghiêm trọng quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng (Khoản 8 Điều 10) sẽ có hình thức kỷ luật cảnh cáo. Tương tự, cũng như những hành vi trên nhưng ở mức độ “rất nghiêm trọng” sẽ bị kỷ luật hình thức cách chức (Khoản 1 Điều 13), còn ở mức

độ “đặc biệt nghiêm trọng” sẽ bị buộc thôi việc (Khoản 5 Điều 14). Thế nhưng, trong cả Nghị định số 34/2011/NĐ-CP lại không có bất kỳ quy định nào nhằm đưa ra căn cứ xác định đâu là hành vi vi phạm ở mức độ nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hay đặc biệt nghiêm trọng.

Ngày 01/7/2019, Chính phủ ban hành Nghị định số 59/2019/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng. Nghị định số 59/2019/NĐ-CP có 10 Điều quy định cụ thể về vấn đề xử lý kỷ luật công chức vi phạm pháp luật về phòng, chống tham nhũng. Trong mối tương quan với Nghị định số 34/2011/NĐ-CP, Nghị định số 59/2019/NĐ-CP được “kỳ vọng” là văn bản quy định rõ ràng, cụ thể về các hình thức kỷ luật và hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

Thứ ba, quy định miễn hình thức kỷ luật trong Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 không phù hợp với các quy định khác trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

Điều 77 Luật Cán bộ, công chức năm 2008 quy định miễn trách nhiệm kỷ luật đối với công chức, trong một số trường hợp. So với Điều 77 Luật Cán bộ, công chức năm 2008 thì Điều 5 Nghị định số 34/2011/NĐ-CP đã quy định thêm một trường hợp miễn trách nhiệm kỷ luật đối với công chức là “Được cơ quan có thẩm quyền xác nhận tình trạng mất năng lực hành vi dân sự khi vi phạm pháp luật”.

Ngoài ba trường hợp được miễn trách nhiệm kỷ luật quy định tại Điều 5 Nghị định số 34/2011/NĐ-CP thì hiện nay Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 lại “bổ sung” thêm một trường hợp miễn xử lý kỷ luật. Theo điểm c Khoản 3 Điều 73 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 thì “người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được xem xét miễn hình thức kỷ luật nếu chủ động xin từ chức trước khi cơ quan có thẩm quyền phát hiện, xử lý, trừ trường hợp bị truy cứu trách nhiệm hình sự”.

Trong xử phạt vi phạm hành chính, nếu như pháp luật quy định “miễn hình thức xử phạt” thì không đồng nghĩa với “miễn trách nhiệm hành chính” bởi xử phạt vi phạm hành chính là việc người có thẩm quyền áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với cá nhân, tổ chức thực hiện vi phạm hành chính(2). Điều này có nghĩa nếu vì một lý do nào đó không thể áp dụng được các hình thức xử phạt thì người có thẩm quyền vẫn có thể áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả với tính chất là chế tài hành chính(3). Ngược lại, trách nhiệm kỷ luật không tồn tại các biện pháp khắc phục hậu quả. Do đó, nếu Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 quy định “miễn hình thức kỷ luật” thì cũng đồng nghĩa với “miễn trách nhiệm kỷ luật”.

Về tính chất cưỡng chế, khi được “miễn hình thức kỷ luật” hay “miễn trách nhiệm kỷ luật” thì công chức không gánh chịu bất kỳ hình thức kỷ luật nào cả. Về hậu quả bất lợi, các hậu quả pháp lý quy định tại Điều 82 Luật Cán bộ, công chức năm 2008 cũng không thể được áp dụng trong trường hợp “miễn hình thức kỷ luật” hay “miễn trách nhiệm kỷ luật” vì đơn giản những hệ quả này chỉ áp dụng kèm theo hình thức kỷ luật.

Về lý luận, khi thực hiện vi phạm pháp luật về phòng, chống tham nhũng, công chức phải gánh chịu trách nhiệm kỷ luật. Do đó, không thể sử dụng phương thức “chủ động xin từ chức trước khi cơ quan có thẩm quyền phát hiện, xử lý” để “né tránh” việc bị xử lý kỷ luật. Dưới góc

độ pháp lý thì từ chức là việc công chức lãnh đạo, quản lý đề nghị được thôi giữ chức vụ khi chưa hết nhiệm kỳ hoặc chưa hết thời hạn bổ nhiệm(4). Đây là một quyền của công chức lãnh đạo, quản lý khi nhận thấy mình không còn phù hợp với chức vụ nữa. Trong khi đó, các hình thức kỷ luật là hậu quả pháp lý bất lợi mà công chức phải gánh chịu khi vi phạm pháp luật về phòng, chống tham nhũng. Do đó, không thể xem “chủ động xin từ chức trước khi cơ quan có thẩm quyền phát hiện, xử lý” là một trường hợp được xem xét “miễn trách nhiệm kỷ luật”.

Thứ tư, sự ngộ nhận trong việc áp dụng hình thức kỷ luật thay cho trách nhiệm hình sự, hay trách nhiệm hành chính.

Khoản 1 Điều 92 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 đã quy định: “người có hành vi tham nhũng giữ bất kỳ chức vụ, vị trí công tác nào đều phải bị xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật, kể cả người đã nghỉ hưu, thôi việc, chuyển công tác”. Theo điểm a Khoản 5 Điều 84 Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2019) thì “mọi hành vi vi phạm trong thời gian công tác của công chức đã nghỉ việc, nghỉ hưu đều bị xử lý theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào tính chất, mức độ nghiêm trọng, người có hành vi vi phạm có thể bị xử lý hình sự, hành chính hoặc xử lý kỷ luật”. Với quy định này có thể hiểu, mỗi hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống tham nhũng trong thời gian công tác của cá nhân đã nghỉ việc, nghỉ hưu chỉ có thể bị xử lý kỷ luật hoặc xử lý hình sự (hoặc hành chính). Chế tài hành chính và chế tài hình sự không bao giờ song hành tồn tại. Do đó, khi đã truy cứu trách nhiệm hành chính thì không đồng thời xử lý hình sự và ngược lại(5). Tuy nhiên, quy định “bị xử lý hình sự, hành chính hoặc xử lý kỷ luật” lại không phù hợp với lý luận về xử lý kỷ luật.

Căn cứ vào Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì một công chức có chức vụ có thể bị truy cứu Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ (Điều 356). Khi nghỉ việc, nghỉ hưu thì vẫn có thể bị truy cứu tội này nếu còn thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự. Chế tài đối với hành vi này lên đến 15 năm tù. Trường hợp một người sau khi nghỉ việc, nghỉ hưu mới bị truy cứu trách nhiệm hình sự về Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ thì vẫn có thể bị áp dụng một trong các hình thức kỷ luật là khiển trách, cảnh cáo, xóa tư cách chức vụ đã đảm nhiệm. Trong đó, hình phạt tù là chế tài trách nhiệm hình sự và một trong các hình thức kỷ luật “khiển trách hoặc cảnh cáo hoặc xóa tư cách chức vụ đã đảm nhiệm” là chế tài trách nhiệm kỷ luật. Như vậy, một người sau khi nghỉ việc, nghỉ hưu mới phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống tham nhũng trong thời gian công tác thì vừa có thể gánh chịu trách nhiệm kỷ luật, vừa có thể gánh chịu trách nhiệm hình sự (hoặc trách nhiệm hành chính). Do đó, cách quy định “bị xử lý hình sự, hành chính hoặc xử lý kỷ luật” như điểm a Khoản 5 Điều 84 Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2019) đã tạo ra sự ngộ nhận là người vi phạm chỉ có thể gánh chịu một trong các loại trách nhiệm pháp lý vừa nêu.

### **Một số giải pháp hoàn thiện**

Thứ nhất, theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) (có hiệu lực vào ngày 01/7/2020) thì hình thức kỷ luật hạ bậc lương chỉ áp dụng đối với công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý. Đây là một quy định mới của Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) so với Luật Cán bộ, công chức năm 2008. Như vậy,

nếu bất kỳ một nghị định nào muốn được áp dụng sau ngày 01/7/2020 thì đều phải thiết kế theo hướng không quy định hình thức kỷ luật hạ bậc lương đối với công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý. Khi Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) có hiệu lực, chắc chắn Chính phủ phải ban hành nghị định mới để sửa đổi Nghị định số 34/2011/NĐ-CP và Nghị định số 59/2019/NĐ-CP. Trong lần sửa đổi này, nhà làm luật cần minh định các hình thức kỷ luật để áp dụng đối với công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý hoặc đối với công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý vi phạm pháp luật về phòng, chống tham nhũng. Phân biệt và quy định cụ thể các hình thức kỷ luật áp dụng đối với từng đối tượng công chức (giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý hoặc không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý) sẽ tạo ra cơ sở pháp lý vững chắc, tạo điều kiện cho việc áp dụng pháp luật khách quan, chính xác.

Thứ hai, việc đưa các tiêu chí định tính làm căn cứ xác định mức độ nặng nhẹ của hành vi vi phạm thiết nghĩ là không phù hợp nguyên tắc pháp quyền(6). Do đó, cần thay thế các tiêu chí định tính trong Nghị định số 34/2011/NĐ-CP và Nghị định số 59/2019/NĐ-CP thành các tiêu chí định lượng cụ thể nhằm tạo ra sự thống nhất trong việc quyết định hình thức kỷ luật đối với công chức vi phạm pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

Thứ ba, cần minh định giữa từ chức với vấn đề phải gánh chịu trách nhiệm kỷ luật khi công chức vi phạm pháp luật về phòng, chống tham nhũng. Nói cách khác, không thể xem “chủ động xin từ chức trước khi cơ quan có thẩm quyền phát hiện, xử lý” là căn cứ miễn trách nhiệm kỷ luật cho công chức vi phạm pháp luật về phòng, chống tham nhũng. Có chăng đây chỉ có thể là một tình tiết giảm nhẹ, để từ đó người có thẩm quyền xem xét “giảm hình thức kỷ luật” cho công chức vi phạm pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

Cuối cùng, trách nhiệm kỷ luật có thể áp dụng đồng thời với các dạng trách nhiệm pháp lý khác như trách nhiệm hình sự, trách nhiệm hành chính, trách nhiệm dân sự. Nếu công chức (bao gồm cả công chức đã nghỉ việc, nghỉ hưu) vi phạm pháp luật về phòng, chống tham nhũng, đồng thời là tội phạm hoặc vi phạm hành chính hoặc gây thiệt hại về tài sản của cá nhân, tổ chức thì ngoài việc gánh chịu trách nhiệm hình sự, trách nhiệm hành chính, trách nhiệm dân sự thì còn bị xử lý kỷ luật. Trách nhiệm hình sự và trách nhiệm hành chính là những loại trách nhiệm pháp lý trước nhà nước. Trách nhiệm dân sự là loại trách nhiệm trước bên bị vi phạm. Trong khi đó, trách nhiệm kỷ luật với hệ quả bị xử lý kỷ luật là trách nhiệm của công chức trước chính cơ quan, đơn vị. Do đây là những trách nhiệm pháp lý khác nhau, gánh chịu trước những chủ thể khác nhau, nên việc truy cứu trách nhiệm hành chính hoặc trách nhiệm hình sự không làm vô hiệu hóa trách nhiệm kỷ luật. Chính vì vậy, Chính phủ cần khẳng định cụ thể nguyên tắc này để tránh gây ra những ngộ nhận về việc chỉ áp dụng trách nhiệm kỷ luật mà không đồng thời áp dụng trách nhiệm hình sự hoặc trách nhiệm hành chính đối với công chức thực hiện vi phạm pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

*TS. Cao Vũ Minh, Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh*

*ThS. Phạm Duy Quang, Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh*

*Nguồn: tapchimattran.vn*

-----  
**Ghi chú:**

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Văn phòng Trung ương Đảng, 2016, tr.18.
2. Khoản 2 Điều 2 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2014, 2017).
3. Điều 65 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2014, 2017).
4. Khoản 13 Điều 7 Luật Cán bộ, công chức năm 2008.
5. Nguyễn Cảnh Hợp (chủ biên), Giáo trình Luật Hành chính Việt Nam, Nxb. Hồng Đức, 2017, tr.561.
6. Waldemanr Beson - Gorthard Jasper, Nhà nước pháp quyền, Nxb. Chính trị quốc gia, 2002, tr.188.

## BỎ BỚT CHỨNG CHỈ, SỬ DỤNG NHÂN LỰC THEO THỰC TÀI

Nghị định số 89/2021/NĐ-CP của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức sẽ có hiệu lực từ 10/12/2021.

So với Nghị định số 101/2017/NĐ-CP trước đó, việc không còn nội dung bồi dưỡng tiếng dân tộc, tin học, ngoại ngữ nhận được sự đồng thuận của đội ngũ cán bộ nhân viên trên cả nước. Nhiều ý kiến mong muốn các cơ quan chức năng tiếp tục rà soát tổng thể để loại bỏ những chứng chỉ không thực chất, gây phiền hà, tốn kém cho đội ngũ công chức, viên chức.

### “Giảm tải” chứng chỉ

Bày tỏ sự ủng hộ với những điểm mới của Nghị định số 89/2021/NĐ-CP, TS. Thang Văn Phúc, nguyên Thứ trưởng Bộ Nội vụ cho rằng lâu nay nhiều chứng chỉ giống như một barie, một chướng ngại vật trên con đường phát triển, thăng tiến trong hoạt động công vụ của cán bộ, công chức, viên chức nhà nước. Có người ví chứng chỉ như một loại “giấy phép con” mà cơ quan tuyển dụng cứ đặt ra, buộc mọi người phải chuẩn bị sẵn mà không biết bao giờ dùng đến. Điều này gây lãng phí, căng thẳng, nặng nề cho đội ngũ cán bộ. Bởi trên thực tế, với những vị trí việc làm cần đến ngoại ngữ, tin học hay các năng lực khác, khi tuyển dụng người ta đã đặt ra điều kiện, tiêu chí rồi. Những chứng chỉ trên hóa ra thành thừa, mang ý nghĩa làm đẹp hồ sơ hơn là năng lực thực sự của người sở hữu tấm bằng đó.

Cô giáo Phạm Ánh Tuyết (Trường Cao đẳng Thủy lợi Bắc bộ) cho biết, từ tháng 3/2021, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã chính thức bỏ quy định về chứng chỉ ngoại ngữ, tin học trong tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên, giảng viên khiến những nhà giáo như mình rất phấn khởi. Bởi, là giảng viên dạy ngoại ngữ trong nhà trường, yêu cầu về năng lực ngoại ngữ là không phải bàn. Với việc giảng dạy trực tuyến thời gian qua, tất cả giáo viên trong trường đều chủ động tìm hiểu, nâng cao khả năng, kỹ năng khai thác học liệu trên internet cũng như thuần thục các kỹ thuật xây dựng bài giảng điện tử, ứng dụng các phần mềm hữu ích vào giảng dạy để tăng tương tác giữa thầy trò, khiến tiết học thêm sinh động, lôi cuốn.

“Rõ ràng, khi yêu cầu công việc cần thì bắt buộc nhà giáo phải chuyển động, bổ sung các kiến thức kịp thời để không bị lỗi nhịp chuyển đổi số theo xu hướng thế giới. Còn ý lại đã có bằng B, bằng C tin học rồi mà không cập nhật tri thức mới thì cũng làm sao dạy sinh viên được? Các em bây giờ trình độ tin học, ngoại ngữ đều tốt hơn thế hệ trước rất nhiều” - cô Tuyết nói, đồng thời bày tỏ mong muốn Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan chức năng tiếp tục rà soát để bỏ bớt những chứng chỉ không cần thiết để giáo viên nói riêng và các cán bộ, công chức, viên chức nói chung được “giảm tải” về mặt hành chính, giấy tờ. Thay vì tập trung nâng cao chất lượng chuyên môn, việc học tập để thi lấy chứng chỉ này kia để nâng hạng, nâng lương khá mất thời gian, công sức mà tính ứng dụng sau đó không nhiều.

PGS. TS. Trần Xuân Nhĩ, nguyên Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đồng tình với việc bỏ những chứng chỉ tin học, ngoại ngữ hay các chứng chỉ nghề nghiệp không cần thiết, mang

tính chất hình thức sớm ngày nào tốt ngày đó. Điều này sẽ giúp giảm bớt thủ tục rườm rà, không cần thiết đối với cán bộ, công chức, viên chức. Thay vào đó là các yêu cầu nâng cao nghiệp vụ, cọ xát thực tế công việc đòi hỏi cần gì thì bổ sung vậy sẽ hữu hiệu hơn.

Ông Nhĩ lấy ví dụ trong quá trình bồi dưỡng giáo viên, cần làm sao để truyền tải kỹ năng thay chương trình, sách giáo khoa mới tới giáo dục phổ thông các cấp. Có thể lựa chọn và đưa các các modul bồi dưỡng thay sách giáo khoa vào bồi dưỡng chứng chỉ hạng của viên chức là giáo viên vừa thiết thực, vừa đảm bảo yêu cầu nâng hạng viên chức gắn với yêu cầu công việc.

### **Đánh giá bằng năng lực thực tiễn**

Ngành Giáo dục đã “đột phá” với quy định bỏ chứng chỉ ngoại ngữ, tin học từ tháng 3/2021. Từ 10/12 tới đây, tất cả các ngành nghề khác cũng bỏ nội dung tiếng dân tộc, tin học, ngoại ngữ mà nội dung bồi dưỡng công chức, viên chức chỉ bao gồm: Lý luận chính trị; Kiến thức quốc phòng và an ninh; Kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước; Kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu vị trí việc làm.

Đây là yêu cầu cần thiết bởi mỗi vị trí việc làm đòi hỏi các kiến thức, kỹ năng khác nhau, thậm chí mức độ các kỹ năng là khác nhau. Chẳng hạn, với công việc liên quan đến giao tiếp, làm việc với nước ngoài thì yêu cầu về ngoại ngữ cũng phải khác so với vị trí cán bộ biên dịch tài liệu. Tính hiệu quả và thực tiễn trong công việc là điều cần phải tính tới

TS. Đinh Duy Hòa, nguyên Vụ trưởng Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ nêu quan điểm, chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn ngạch công chức vẫn tồn tại lâu nay. Trong khi đó, với riêng giáo viên, chứng chỉ này đang khiến nhiều người băn khoăn bởi khi tốt nghiệp các trường sư phạm, nhận tấm bằng cao đẳng, đại học sư phạm thì người đó đã đủ tư cách và năng lực, trình độ chuyên môn trở thành giáo viên rồi. Thêm quy định về chứng chỉ này để được công nhận chính thức là giáo viên thì hóa ra các trường sư phạm bấy lâu nay chưa làm trọn chức trách đào tạo giáo viên và phải đợi họ đi làm, lấy được chứng chỉ này mới “nên người” giáo viên?

Câu hỏi đặt ra là nếu bỏ chứng chỉ này thì cơ sở nào để tuyển dụng, sử dụng? Ông Thang Văn Phúc cho rằng vẫn phải thi để đánh giá, đảm bảo nâng cao chất lượng. Việc bỏ chứng chỉ tiếng dân tộc, ngoại ngữ và tin học trong tuyển dụng, nâng ngạch, thăng hạng chỉ nhằm để giảm bớt thủ tục hành chính phiền hà còn năng lực thực tiễn vẫn cần được đánh giá bằng thước đo chung. Và tùy từng vị trí khác nhau mà có yêu cầu thi khác nhau.

Theo ông Phúc, công tác cán bộ, công chức, viên chức là công tác con người. Vì thế, các chính sách đưa ra cần phải hết sức cụ thể mới đảm bảo tính khả thi trong quá trình triển khai thực hiện.

**GS. TS. Nguyễn Lâm Dũng, Ủy viên Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: Còn “đề” ra bằng cấp thì còn chuyện chạy bằng, mua bằng**

Việc quy định cán bộ, công chức, viên chức phải thi bằng ngoại ngữ, tin học để đáp ứng yêu cầu này, yêu cầu kia là rất hình thức. Nếu còn “đề” ra bằng cấp thì sẽ còn chuyện chạy bằng, mua bằng. Sự giả dối này đã gây rắc rối trong xã hội thời gian dài. Vấn đề ở đây không phải là chứng chỉ hay bằng cấp mà là năng lực, hiệu quả thực chất trong công việc.



Trong xu thế phát triển hiện nay, cán bộ, công chức, viên chức mà không có trình độ về ngoại ngữ, tin học thì không thể làm việc được. Trong tương lai, đây là điều bắt buộc mà một cán bộ, công chức, viên chức phải có. Thay vì làm khó nhau bằng cách đưa ra quy định về bằng cấp thì chúng ta hãy hướng đến những việc tích cực hơn như bồi dưỡng, giúp đỡ họ để đạt được trình độ đó.

Những quy định mới Nghị định số 89/2021/NĐ-CP cho thấy Chính phủ luôn lắng nghe ý kiến đóng góp của nhân dân. Đây là biểu hiện chính quyền do dân và vì dân của Nhà nước ta nên tôi rất hoan nghênh, mọi người dân đều hoan nghênh. Việc loại bỏ những thủ tục, quy định gây phiền hà, tốn kém cho cán bộ, công chức, viên chức là việc cần làm. Tới đây, mọi người sẽ không phí tiền của, phí thời gian vào việc thi lấy bằng cấp này, chứng chỉ kia.

**TS. Nguyễn Viết Chức, Nguyên Phó Chủ nhiệm Ủy ban Văn hóa - Giáo dục của Quốc hội: Loại bỏ “giấy phép con” trong công tác cán bộ**

Rà soát, loại bỏ những văn bằng, chứng chỉ mang tính hình thức là việc làm vô cùng cần thiết và hợp lý. Thời gian qua, thực tế đã chứng minh nhiều điều bất cập tồn tại từ những “giấy phép con” trong công tác tổ chức cán bộ. Mà đã là “giấy phép con” thì nó rườm rà, nhiều khe, kéo theo sự trì trệ, tiêu cực xã hội.

Không những làm trì trệ, phiền hà mà việc đòi hỏi những văn bằng, chứng chỉ không cần thiết còn tạo ra sự chông chéo trong quản lý. Lẽ ra việc này phải được loại bỏ từ lâu. Quy định phải đúng, phải trúng và phải có tác động đẩy nhanh quá trình đổi mới, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước. Nếu như quy định làm giảm đi hiệu quả quản lý nhà nước thì quy định để làm gì.

Việc đánh giá cán bộ không chỉ dựa trên văn bằng, chứng chỉ. Vậy, đánh giá cán bộ như thế nào? thì đây mới là câu hỏi khó nhất. Việc đánh giá đúng người, đúng việc là vô cùng quan trọng. Đánh giá chất lượng công việc, hiệu quả công việc phải đánh giá trên công việc chứ không phải chỉ trên các loại văn bằng, chứng chỉ. Ở đây, song hành cùng việc loại bỏ các quy định rườm rà trong văn bằng, chứng chỉ, cần phải nâng cao chất lượng trong công tác tuyển dụng cũng như đánh giá sử dụng cán bộ, bổ nhiệm cán bộ.

*Nguồn: daidoanket.vn*

## CHÚNG TA PHẢI CẢI CÁCH ĐỦ MẠNH

Đại dịch COVID-19 làm cho việc đạt mục tiêu nhiệm kỳ trở thành thách thức chưa từng có; tạo nên áp lực thúc đẩy đổi mới. Cần có cải cách, tái cơ cấu đủ mạnh để đạt các mục tiêu tăng trưởng và phát triển.

Tiến sỹ Lê Đăng Doanh, nguyên Viện trưởng Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương cho rằng, Việt Nam cần thích nghi và linh hoạt với đặc trưng của tình hình hiện nay là VUCA (V: Volatility - Biến động; U: Uncertainty - Bất định; C: Complexity - Phức tạp; A: Ambiguity - Mơ hồ). Đây là khái niệm do Đại học Harvard đề xuất.

Chúng ta rất khó dự đoán dài hạn và trung hạn. Phải thường xuyên quan sát, phân tích, quyết định linh hoạt trong bối cảnh mỗi nước đều đặt lợi ích quốc gia lên hàng đầu.

### **Sức chống chịu trong tình thế bất định**

Chúng ta đã lỡ mất nhịp mua vắc xin nhưng may là vị thế địa chính trị tốt nên được viện trợ 118 triệu liều, trong đó có những quốc gia tặng rất nhiều vắc xin cho chúng ta.

Đợt cách ly và giãn cách xã hội trong làn sóng dịch thứ tư vừa rồi làm cho tê liệt kinh doanh, sản xuất và lưu thông.

Năm 2020, dù tăng trưởng rơi xuống 2,9% nhưng vẫn cao hơn nhiều so với tăng trưởng -4% của thế giới. Tức là, chúng ta nằm trong số ít “ngôi sao” tăng trưởng dương trong một thế giới suy thoái nặng nề.

Trong khi đó, cách chống dịch lần thứ tư đã làm kinh tế tăng trưởng âm trong Quý 3 và dự kiến sẽ chỉ đạt 2 - 2,5% trong năm nay, mức giảm sâu so với tăng trưởng trung bình khoảng 5-6% của thế giới. Đây là điều rất cần suy nghĩ nếu muốn tránh khỏi sự lạc điệu, thế giới đã tăng trưởng trở lại nhưng chúng ta vẫn đang ở đáy.

Tuy vậy, chúng ta vẫn có những điểm tích cực như kinh tế vĩ mô, tăng trưởng xuất khẩu nhìn chung khả quan và cam kết FDI tiếp tục tăng.

Bức tranh kinh tế sau khi bỏ giãn cách từ đầu tháng 10 dần tốt lên, có tăng trưởng ở một số lĩnh vực. Về chỉ số sản xuất công nghiệp 10 tháng, nhiều ngành có tăng trưởng dương, chỉ một số ngành như thành lập mới doanh nghiệp, du lịch, giao thông gặp khó khăn. Đặc biệt, ngành Du lịch thiệt hại lớn, không biết bao nhiêu khách sạn, nhà hàng... đóng cửa, nhân viên du lịch sống thế nào!

Về cơ cấu kinh tế, sản xuất nông nghiệp tốt và chúng ta may có nông nghiệp là bệ đỡ. Nông nghiệp bây giờ vững vàng, không chỉ các vùng ở Đà Lạt, Bắc Giang, Bắc Ninh xuất hiện nhà kính quy mô lớn, xuất khẩu hoa, rau quả sang Nhật Bản, Hàn Quốc. Có những công ty trồng rau củ được đối tác Nhật Bản yêu cầu lắp camera trong nhà kính để họ kết nối, kiểm tra bất cứ lúc nào.

Chúng ta cũng có cơ hội khi kinh tế thế giới hồi phục nhanh, đó là đầu tư nước ngoài và Việt Nam phục hồi nhanh. Tất cả hiệp hội doanh nghiệp FDI có mặt tại Việt Nam đều phản đối việc cách ly phong tỏa khắc nghiệt như vừa rồi. Tuy nhiên, những tin đồn nói đầu tư nước ngoài bỏ Việt Nam là không hề có.

Họ đã đầu tư vào đây mấy trăm triệu USD, thị trường ổn định, dân số đông và trẻ thì họ không bỏ đi, nhất là khi chúng ta đa dạng hoá quan hệ kinh tế sau khi ký nhiều hiệp định thương mại tự do với các đối tác lớn trên toàn cầu.

Vấn đề là chúng ta thu hút FDI vẫn bằng thâm dụng lao động và lao động giá rẻ. Đây không phải là niềm tự hào, ngược lại là đấng khác! Động lực nền giáo dục có nhiều vấn đề.

Chúng ta cần phát triển những vùng động lực cho tăng trưởng ở cả 3 miền. Có những địa phương như Hải Phòng, Quảng Ninh, Sơn La tiến hành cải cách mạnh mẽ hơn Hà Nội. Đó là những tín hiệu rất tích cực.

Về tăng trưởng năm 2022, nền kinh tế sẽ tăng trưởng 4,5% ở kịch bản thấp, theo đó tình hình dịch vẫn khó đoán định, xuất hiện biến chủng mới; các đối tác thương mại lớn không phục hồi như kỳ vọng và hồi phục sản xuất trong nước gặp khó khăn, các chính sách hỗ trợ của Chính phủ trễ.

Ở kịch bản cao, kinh tế sẽ tăng trưởng 6,7% nếu bệnh dịch hoàn toàn được khống chế; chuỗi cung ứng phục hồi nhanh và chi phí logistics giảm nhanh, hỗ trợ doanh nghiệp và người dân đạt hiệu quả cao.

Tuy nhiên, cơ cấu kinh tế vẫn rất manh mún, đóng góp của khu vực doanh nghiệp tư nhân có đăng ký chỉ chiếm 12% GDP, của doanh nghiệp nhà nước 18% GDP, FDI 20% GDP và kinh tế phi chính thức hộ gia đình lên tới 30 - 32% GDP.

Đại dịch đã làm đứt gãy nhịp tăng trưởng kinh tế nước ta; làm cho việc đạt mục tiêu nhiệm kỳ trở thành thách thức chưa từng có; tạo nên áp lực đủ mức thúc đẩy đổi mới. Tốc độ tăng trưởng GDP thực tế hơn 30 năm qua giảm dần, mỗi kỳ chiến lược giảm từ 0,5 - 0,9 điểm %; và phục hồi kinh tế sau các đợt khủng hoảng không cao đột biến.

Chúng ta phải có cải cách, tái cơ cấu đủ mạnh để đạt các mục tiêu tăng trưởng và phát triển của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

### **Đẩy mạnh cải cách cơ cấu**

Tới đây, chúng ta cần tiếp tục đẩy mạnh cải cách và tái cơ cấu kinh tế như các văn kiện đã nhấn mạnh trong nhiều năm qua: Cải cách thể chế; tái cấu trúc doanh nghiệp nhà nước, hệ thống tài chính ngân hàng, đầu tư công, nông nghiệp...; Tận dụng hội nhập, các FTA, sự dịch chuyển thu hút FDI chất lượng; Thúc đẩy sáng tạo, chuyển đổi số.

Tôi đặc biệt nhấn mạnh nhu cầu chuyển đổi kinh tế số ngay để tăng hiệu quả quản lý, tăng cường công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình. Cần thành lập các trung tâm start-ups, các trung tâm sáng tạo, trung tâm tài chính.

Chúng ta cần hoàn thiện khung khổ pháp lý để đảm bảo cho các thị trường nhân tố sản xuất vận hành; thúc đẩy đổi mới sáng tạo, có tính đột phá, vượt trội và tiếp tục hoàn thiện môi trường kinh doanh.

Cùng với đó là đẩy nhanh chương trình tái cơ cấu, trọng tâm là doanh nghiệp nhà nước, phát triển các tập đoàn tư nhân, SMEs, hộ kinh doanh. Đặc biệt, chúng ta cần tận dụng hội nhập qua việc gắn kết chặt chẽ đối tác quan trọng với thị trường và tận dụng các FTA, kết nối theo chuỗi giá trị.

Về cải cách bộ máy nhà nước, cần cụ thể hóa cơ chế bảo vệ và đảm bảo động lực khuyến khích để cán bộ dám nghĩ, dám sáng tạo, dám làm vì sự phát triển đất nước.

Liên quan đến việc hoàn thiện các thị trường nhân tố sản xuất, tôi xin nói rõ thêm về thị trường quyền sử dụng đất nông nghiệp và đưa kinh tế số vào nông nghiệp, nông thôn.

Thị trường quyền sử dụng đất sẽ tăng thêm quyền cho nông dân trong bảo vệ đất đai của mình và giúp nông dân vốn hóa quyền sử dụng đất. Nhờ đó, đất nông nghiệp sẽ được sử dụng

công bằng hơn, hiệu quả hơn, tạo ra khối lượng vốn lớn cho nền kinh tế và sẽ tạo ra một cuộc canh tân trong sản xuất nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn.

Chúng ta sẽ huy động được nhiều nguồn lực hơn, phân bổ nguồn lực hợp lý hơn, sử dụng nguồn lực hiệu quả hơn. Tất cả điều đó sẽ dẫn đến đạt được tốc độ tăng trưởng cao, thậm chí vượt quá mục tiêu chiến lược. Tôi cho rằng, phát triển thị trường quyền sử dụng đất nông nghiệp sẽ tạo nên cuộc cải cách ruộng đất lần hai, chuyển từ giao công cụ sản xuất sang giao tài sản cho nông dân.

*Nguồn: vietnamnet.vn*

## THÀNH PHỐ THÔNG MINH: CƠ HỘI CỦA CHUYÊN ĐỔI SỐ

Việc xây dựng thành phố thông minh đang là nhu cầu cấp thiết với các tỉnh, thành phố của Việt Nam. Bởi đây được xác định là yếu tố cốt lõi nhằm thực hiện quá trình chuyển đổi từ mô hình kinh tế - xã hội truyền thống sang số hóa mà Việt Nam đang thực hiện.

### **Nhu cầu cấp thiết đến từ chuyển đổi số**

Chuyển dịch dần từ mô hình xã hội - kinh tế truyền thống sang mô hình xã hội số - kinh tế số đang là xu hướng không thể đảo ngược tại nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Và cũng tương tự, với Việt Nam việc xây dựng thành phố thông minh cho các địa phương trên cả nước được xác định là yếu tố cốt lõi để hoàn tất quá trình chuyển đổi này.

Trên thực tế, từ gần chục năm trở lại đây Việt Nam đã từng bước xây dựng các mô hình thành phố thông minh. Có thể kể đến như vào 2012, TP. Đà Nẵng đã nhận được sự trợ giúp từ Tập đoàn công nghệ IBM nhằm ứng dụng giải pháp điều hành trung tâm thông minh nhằm tránh ùn tắc giao thông công cộng cũng như chất lượng nguồn nước để phục vụ người dân.

Hay như vào năm 2018, TP. Hà Nội đã bắt tay với Tập đoàn Công nghệ Dell nhằm xây dựng thành phố thông minh cùng chính quyền điện tử cho Thủ đô. Đáng chú ý, sự hợp tác này được xây dựng nhằm thống nhất với “Định hướng về công nghệ thông tin và truyền thông trong xây dựng đô thị thông minh ở Việt Nam” đã được Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành, hướng đến hình thành và phát triển kinh tế tri thức đưa Thủ đô tham gia vào các diễn đàn thành phố thông minh trên thế giới.

Bên cạnh đó, nhiều thành phố khác như Nha Trang, Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh ... cũng đã dần triển khai các cấu phần của thành phố thông minh vào hoạt động công cộng. Có thể kể đến như TP. Hồ Chí Minh với trung tâm điều hành đô thị thông minh, Bình Dương với hệ thống điều hành khu công nghiệp thông minh hay Bắc Ninh với hệ thống camera thông minh nhằm giám sát giao thông toàn tỉnh ...

Và trong năm 2018, với việc Chính phủ thông qua Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025 và định hướng đến năm 2030 là cơ sở quan trọng để

quá trình chuyển đổi này được mạnh mẽ hơn. Tính tới hiện tại, đã có 38/63 tỉnh, thành phố đã và đang triển khai một phần hoặc toàn bộ địa phương sang thành phố thông minh. Phần lớn trong số này đang ở giai đoạn đầu với việc xây dựng trung tâm hành chính công và triển khai dịch vụ công trực tuyến.

Không chỉ bó gọn ở khối chính quyền, khối tư nhân cũng đang trong quá trình đầu tư mạnh nhằm xây dựng những khu đô thị thông minh, trung tâm của các thành phố thông minh. Có thể kể đến như khu đô thị Vinhomes Smart City (Hà Nội) được học hỏi theo mô hình đô thị thông minh của Songdo (Hàn Quốc) hay Fujisawa (Nhật Bản). Tại đây, việc giám sát người lạ, biển số xe được thực hiện bằng trí tuệ nhân tạo; phòng cháy, cảnh báo chất lượng không khí, tình trạng giao thông ... có thể hiển thị rõ ràng trên điện thoại của mỗi người dân.

Nói về tầm quan trọng của đô thị thông minh với chuyển đổi số quốc gia, Thứ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Nguyễn Duy Dũng khẳng định, phát triển đô thị thông minh chính là thực hiện chuyển đổi số trong phạm vi đô thị, quá trình này gắn liền và không thể tách rời với chuyển đổi số của các địa phương cũng như toàn quốc.

Chính đại dịch COVID-19 đã cho thấy sự cần thiết của việc xây dựng thành phố thông minh trên toàn quốc. Những mô hình này không chỉ bền vững, linh hoạt mà còn dễ thích nghi và phản ứng nhanh trước tác động bất lợi của môi trường cũng như xã hội, Thứ trưởng Nguyễn Duy Dũng chia sẻ.

Có cùng quan điểm, Chủ tịch VINASA Nguyễn Văn Khoa nhận định, chính đại dịch COVID-19 đã thúc đẩy mạnh mẽ hơn quá trình xây dựng các thành phố thông minh ở Việt Nam. Đây không chỉ dừng lại ở xu thế mà còn là nhu cầu cấp thiết của các khu đô thị. Đáng chú ý, với giai đoạn phục hồi sau đại dịch, việc vận hành một thành phố theo mô hình thông minh sẽ mang lại các giải pháp kịp thời cho kinh tế cũng như phòng chống dịch bệnh.

Thành phố thông minh đang là tiêu chuẩn nhằm đánh giá quá trình chuyển đổi số của Việt Nam. Đây là phương thức hiện đại giúp các đô thị tối ưu nguồn lực, phát triển bền vững cũng như tăng cao sự an toàn, tiện lợi cho người dân cũng như phát triển kinh tế, ông Khoa chia sẻ.

### **Mảnh đất màu mỡ cho startup**

Hiện, trên thế giới cũng như Việt Nam đang chứng kiến làn sóng chuyển dịch cũng như xuất hiện mới của startup sang dần lĩnh vực thành phố thông minh. Đây được xem là sự thay đổi tất yếu khi đi kèm với thành phố thông minh là việc liên tục ứng dụng công nghệ cao, các nhu cầu dịch vụ phát sinh đều dựa trên nền tảng công nghệ mới như Blockchain, AI, Bigdata, Fintech, IoT, NFT ... Và đây chính là cơ hội cho startup.

Trên thực tế, bất chấp những khó khăn mà đại dịch Covid-19 mang lại, các khoản đầu tư nước ngoài vào startup về công nghệ, đặc biệt là công nghệ ứng dụng cho thành phố thông minh đã gia tăng đáng kể. Các chỉ số về lĩnh vực này đang ở mức “kỷ lục” với hơn 1.400 tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp và 210 quỹ đầu tư mạo hiểm. Dự kiến trong thời gian tới các con số này sẽ tiếp tục tăng.

Theo nhiều chuyên gia, lĩnh vực thành phố thông minh mặc dù có sự tham gia của nhiều Tập đoàn, công ty công nghệ lớn trong nước và thế giới nhưng mảng miếng dành cho startup

không những là không có mà còn tương đối lớn. Bởi các doanh nghiệp lớn sẽ tập trung và các bài toán lớn như hạ tầng, giải pháp tổng thể, còn những bài toán nhỏ hơn như vận hành, dịch vụ mới lại thích hợp hơn với startup nhờ mô hình nhỏ và linh động.

Minh chứng cho nhận định trên, Tổng Giám đốc BKAV Global Lê Quang Hiệp lấy sản phẩm camera ứng dụng trí tuệ nhân tạo ra làm ví dụ. Xác định đây là một trong những giải pháp không thể thiếu cho một thành phố thông minh, BKAV đã bắt tay cùng Qualcomm nhằm phát triển nền tảng trí tuệ nhân tạo dành cho camera, được tích hợp các công nghệ mới nhất trên thế giới với tên gọi AI View Platform.

"Dựa trên nền tảng lớn này, các cá nhân, doanh nghiệp và cả các startup có thể tự xây dựng ứng dụng riêng. Những ứng dụng này nếu thích hợp để triển khai trong thực tế thì việc thu được lợi nhuận là hoàn toàn khả thi" - ông Hiệp nói.

Có nhận định tương tự, Giám đốc Trung tâm Smartcity - Viettel Solutions Dương Công Đức hiện toàn Việt nam đang có hơn 100 khu đô thị có nhu cầu chuyển đổi thành đô thị thông minh. Khối lượng công việc cần đáp ứng là rất lớn, không một doanh nghiệp công nghệ nào có thể đáp ứng toàn bộ được. Do đó đây là mảnh đất rất tiềm năng với các startup.

Việc bắt tay với các doanh nghiệp lớn nhằm giải quyết bài toán đô thị thông minh là hướng đi cần thiết với các startup. Không như nhiều lĩnh vực khác buộc phải đơn độc hoạt động, với thành phố thông minh, startup hoàn toàn có thể tận dụng được sức mạnh đến từ con người, công nghệ lẫn tài chính của các doanh nghiệp lớn nhằm tạo thành công cho mình, ông Đức chia sẻ.

Trong thời gian qua, cũng không thiếu những thành công đến với các startup trong lĩnh vực phát triển thành phố thông minh. Có thể kể đến như BusMap, startup Việt duy nhất giành Quán quân ITU Digital World Awards 2020 do Liên minh Viễn thông quốc tế trao tặng.

Vào tháng 6 vừa qua, BusMap đã nhận được 1,5 triệu USD đầu tư từ Tập đoàn Phenikaa nhằm mở rộng phát triển ứng dụng giao thông thông minh của mình. Được biết, BusMap là ứng dụng giúp hành khách tối ưu hóa hành trình di chuyển bằng phương tiện công cộng theo hướng thuận tiện, hiệu quả và tiết kiệm chi phí hơn so với các hình thức di chuyển khác.

*Nguồn: kinhtedothi.vn*

## CHÍNH PHỦ: BAN HÀNH QUY ĐỊNH MỚI

### \* Điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng

Ngày 07/12, Chính phủ ban hành Nghị định số 108/2021/NĐ-CP điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng.

Khoản 1 Điều 1 Nghị định nêu rõ: Điều chỉnh mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng đối với các đối tượng hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng trước ngày 01/01/2022, bao gồm:

a) Cán bộ, công chức, công nhân, viên chức và người lao động (kể cả người có thời gian tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, người nghỉ hưu từ quỹ bảo hiểm xã hội nông dân Nghệ An chuyển sang theo Quyết định số 41/2009/QĐ-TTg ngày 16/3/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển bảo hiểm xã hội nông dân Nghệ An sang bảo hiểm xã hội tự nguyện); quân nhân, công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu đang hưởng lương hưu hằng tháng.

b) Cán bộ xã, phường, thị trấn quy định tại Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, Nghị định số 121/2003/NĐ-CP ngày 21/10/2003 của Chính phủ về chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và Nghị định số 09/1998/NĐ-CP ngày 23/01/1998 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 50/CP ngày 26/7/1995 của Chính phủ về chế độ sinh hoạt phí đối với cán bộ xã, phường, thị trấn đang hưởng lương hưu, trợ cấp hằng tháng.

c) Người đang hưởng trợ cấp mất sức lao động hằng tháng theo quy định của pháp luật; người đang hưởng trợ cấp hằng tháng theo Quyết định số 91/2000/QĐ-TTg ngày 04/8/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc trợ cấp cho những người đã hết tuổi lao động tại thời điểm ngừng hưởng trợ cấp mất sức lao động hằng tháng, Quyết định số 613/QĐ-TTg ngày 06/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc trợ cấp hằng tháng cho những người có từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm công tác thực tế đã hết thời hạn hưởng trợ cấp mất sức lao động; công nhân cao su đang hưởng trợ cấp hằng tháng theo Quyết định số 206-CP ngày 30/5/1979 của Hội đồng Chính phủ về chính sách đối với công nhân mới giải phóng làm nghề nặng nhọc, có hại sức khỏe nay già yếu phải thôi việc.

d) Cán bộ xã, phường, thị trấn đang hưởng trợ cấp hằng tháng theo Quyết định số 130-CP ngày 20/6/1975 của Hội đồng Chính phủ bổ sung chính sách, chế độ đãi ngộ đối với cán bộ xã và Quyết định số 111-HĐBT ngày 13/10/1981 của Hội đồng Bộ trưởng về việc sửa đổi, bổ sung một số chính sách, chế độ đối với cán bộ xã, phường.

đ) Quân nhân đang hưởng chế độ trợ cấp hằng tháng theo Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện chế độ đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương (được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 38/2010/QĐ-TTg ngày 6/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ).

e) Công an nhân dân đang hưởng trợ cấp hằng tháng theo Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ đối với cán bộ, chiến sĩ công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương.

g) Quân nhân, công an nhân dân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân đang hưởng trợ cấp hằng tháng theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 9/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc.

Khoản 2 Điều 1 Nghị định nêu rõ: Các đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 1 nghỉ hưu trước ngày 01/01/1995 sau khi thực hiện điều chỉnh mà có mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hằng tháng dưới 2.500.000 đồng/tháng.

### **Mức điều chỉnh**

Từ ngày 01/01/2022 điều chỉnh tăng thêm 7,4% trên mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng của tháng 12/2021 đối với các đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 1 nêu trên.

Từ ngày 01/01/2022, điều chỉnh tăng thêm đối với các đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 1. Cụ thể như sau: Tăng thêm 200.000 đồng/người/tháng đối với những người có mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hằng tháng từ 2.300.000 đồng/người/tháng trở xuống; tăng lên bằng 2.500.000 đồng/người/tháng đối với những người có mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hằng tháng từ 2.300.000 đồng/người/tháng đến dưới 2.500.000 đồng/người/tháng.

Mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hằng tháng sau khi điều chỉnh là căn cứ để tính điều chỉnh lương hưu, trợ cấp ở những lần điều chỉnh tiếp theo.

Nghị định số 108/2021/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 20/01/2022. Các quy định tại Nghị định này được thực hiện từ ngày 01/01/2022.

### **\* Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính**

Ngày 06/12, Chính phủ ban hành Nghị định số 107/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

Trong đó, Nghị định số 107/2021/NĐ-CP bổ sung Điều 21a về số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.



Theo quy định mới, ngoài việc thực hiện các quy định trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính tại Điều 17, Điều 18, Điều 19 và Điều 20 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP, cán bộ, công chức, viên chức thực hiện thêm một số nhiệm vụ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính như sau:

### **Tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính**

Kiểm tra, xác thực tài khoản số của cá nhân, tổ chức thông qua số định danh cá nhân của công dân Việt Nam hoặc số hộ chiếu (hoặc số giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế) của người nước ngoài và mã số của tổ chức theo quy định. Trường hợp tổ chức, cá nhân chưa có tài khoản số, cán bộ tiếp nhận hồ sơ tại bộ phận một cửa hướng dẫn thực hiện hoặc tạo tài khoản cho cá nhân, tổ chức trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh. Trường hợp ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính, tài khoản số được xác định theo số định danh của tổ chức, cá nhân ủy quyền.

Thực hiện kiểm tra dữ liệu điện tử của các thành phần hồ sơ thủ tục hành chính. Trường hợp hợp thông tin, dữ liệu, hồ sơ, giấy tờ điện tử có giá trị pháp lý của tổ chức, cá nhân đã được kết nối, chia sẻ giữa các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, hệ thống thông tin, Cổng dịch vụ công quốc gia với Hệ thống thông tin một cửa điện tử thì tổ chức, cá nhân không phải khai lại thông tin hoặc nộp lại hồ sơ, giấy tờ, tài liệu; cán bộ một cửa kiểm tra và chuyển vào hồ sơ thủ tục hành chính điện tử cho tổ chức, cá nhân. Trường hợp khi tiếp nhận, phát hiện thông tin trong hồ sơ, giấy tờ chưa có sự thống nhất với thông tin, dữ liệu, hồ sơ, giấy tờ điện tử trong các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành thì thực hiện tiếp nhận hồ sơ giấy; việc điều chỉnh, sửa đổi thông tin thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Đối với thành phần hồ sơ là kết quả giải quyết thủ tục hành chính hoặc phải số hóa theo quy định của pháp luật chuyên ngành mà chưa có dữ liệu điện tử, cán bộ một cửa thực hiện sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu và chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác của các nội dung theo bản giấy. Ký số vào tài liệu đã được số hóa theo quy định trước khi chuyển hồ sơ đến cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết.

Đối với các thành phần hồ sơ chưa có dữ liệu điện tử còn lại, theo yêu cầu quản lý, bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (đối với trường hợp cơ quan này thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo quy định tại Khoản 5 Điều 2 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP) quyết định việc tổ chức thực hiện số hóa đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan, đơn vị trực thuộc; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc tổ chức thực hiện số hóa đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

### **Giải quyết thủ tục hành chính**

Kiểm tra thông tin trên tài liệu điện tử mà bộ phận một cửa chuyển đến và cập nhật thông tin, dữ liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, ký số của cơ quan, tổ chức vào bản sao y đối với thành phần hồ sơ phải số hóa thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị.

Dữ liệu điện tử của giấy tờ phải có tối thiểu các trường thông tin: Mã loại giấy tờ; số định danh của tổ chức, cá nhân, trường hợp cá nhân không có số định danh cá nhân thì phải bổ sung họ tên, năm sinh, ngày cấp, cơ quan cấp; tên giấy tờ; trích yếu nội dung chính của giấy tờ; thời hạn có hiệu lực; phạm vi có hiệu lực (nếu có). Các thông tin, dữ liệu khác được thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Trường hợp phải thẩm tra, xác minh, lấy ý kiến các cơ quan liên quan trong quá trình xử lý hồ sơ, kết quả thẩm tra, xác minh và kết quả trả lời của cơ quan liên quan phải được số hóa theo dữ liệu điện tử để lưu vào hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính trình cấp có thẩm quyền ký số, phát hành theo quy định pháp luật về công tác văn thư để trả bản giấy và bản điện tử cho tổ chức, cá nhân, trừ trường hợp thủ tục hành chính chỉ quy định cung cấp bản kết quả giải quyết điện tử hoặc tổ chức, cá nhân đề nghị chỉ cung cấp bản kết quả giải quyết điện tử.

Khi có kết quả giải quyết thủ tục hành chính thành công, các hồ sơ, giấy tờ được số hóa, có giá trị pháp lý trong quá trình tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính thì được sử dụng trong thực hiện các thủ tục hành chính khác của tổ chức, cá nhân.

### **Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính**

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử được gắn mã số giấy tờ và lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hoặc Kho dữ liệu hồ sơ thủ tục hành chính của Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh. Mã số giấy tờ gồm hai thành phần là mã số định danh của cá nhân, tổ chức và mã loại giấy tờ, trong đó mã loại giấy tờ đối với kết quả giải quyết thủ tục hành chính được thống nhất sử dụng theo mã loại kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử được trả cho tổ chức, cá nhân trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh, trừ trường hợp thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật chuyên ngành phải có mặt để trực tiếp nhận kết quả.

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng bản giấy được trả theo quy định tại Điều 20 Nghị định này, trừ trường hợp thủ tục hành chính chỉ quy định cung cấp bản kết quả giải quyết điện tử cho tổ chức, cá nhân.

### **Lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử**

Thời hạn bảo quản hồ sơ thủ tục hành chính điện tử được thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ và pháp luật chuyên ngành.

Hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được lưu trữ điện tử và do cơ quan có thẩm quyền giải quyết quản lý trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh.

*Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ*

## BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG: BAN HÀNH DANH MỤC 16 SẢN PHẨM, DÒNG SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRỌNG ĐIỂM

Bộ Thông tin và Truyền thông vừa ban hành Thông tư số 19/2021/TT-BTTTT quy định danh mục 16 sản phẩm, dòng sản phẩm công nghệ thông tin trọng điểm.

Theo Thông tư, 16 sản phẩm, dòng sản phẩm công nghệ thông tin trọng điểm gồm: Thiết bị, phần mềm mạng viễn thông 5G và các thế hệ sau; thiết bị, phần mềm nền tảng IoT; điện thoại di động thông minh 4G và các thế hệ mạng sau; máy tính cho giáo dục; camera thông minh, camera AI và các phần mềm phân tích, xử lý và quản lý dữ liệu thu được từ camera; sản phẩm vi mạch (IC) cho viễn thông, công nghệ thông tin, IoT; sợi quang, cáp quang và các thiết bị truyền dẫn, kết nối trong thông tin quang.

Bên cạnh đó, thiết bị, phần mềm nền tảng định danh và xác thực điện tử; thiết bị và phần mềm của hệ thống điện toán đám mây; phần mềm nền tảng phát triển các sản phẩm ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và phân tích dữ liệu lớn (Big Data); sản phẩm phần mềm ứng dụng công nghệ blockchain; phần mềm nền tảng số phục vụ triển khai 8 ngành, lĩnh vực cần ưu tiên chuyển đổi số; phần mềm nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu; phần mềm công dịch vụ công và một cửa điện tử; phần mềm điều hành tác nghiệp và quản lý văn bản; sản phẩm an toàn thông tin mạng (sản phẩm an toàn cho thiết bị đầu cuối; sản phẩm an toàn lớp mạng; sản phẩm an toàn lớp ứng dụng; sản phẩm bảo vệ dữ liệu) cũng là những sản phẩm công nghệ thông tin trọng điểm thuộc danh mục sản phẩm, dòng sản phẩm công nghệ thông tin trọng điểm.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 02/02/2022 và thay thế Thông tư số 01/2017/TT-BTTTT ngày 16/02/2017 ban hành danh mục sản phẩm công nghệ thông tin trọng điểm.

Tuy nhiên, Bộ Thông tin và Truyền thông cũng hướng dẫn rõ, các dự án đầu tư, sản xuất sản phẩm công nghệ thông tin trọng điểm theo quy định tại Thông tư 01/2017/TT-BTTTT đã được áp dụng chính sách ưu đãi, ưu tiên trước ngày Thông tư này có hiệu lực, sẽ tiếp tục hưởng chính sách ưu đãi, ưu tiên đầu tư nghiên cứu - phát triển, sản xuất cho đến hết thời hạn ưu đãi, ưu tiên theo quy định của pháp luật.

Theo quy định tại Luật Công nghệ thông tin, sản phẩm công nghệ thông tin trọng điểm là sản phẩm công nghệ thông tin bảo đảm được một trong những yêu cầu: Thị trường trong nước có nhu cầu lớn và tạo giá trị gia tăng cao; có tiềm năng xuất khẩu; có tác động tích cực về đổi mới công nghệ và hiệu quả kinh tế đối với các ngành kinh tế khác; đáp ứng được yêu cầu về quốc phòng, an ninh.

Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin trọng điểm được xây dựng nhằm hình thành hệ thống sản phẩm công nghệ thông tin trọng điểm, làm sở cứ phục vụ cho các hoạt động đầu tư, áp dụng các chính sách thuế và chính sách ưu đãi, quản lý xuất nhập khẩu, đồng thời cũng để quản lý chất lượng và các hoạt động khác liên quan tới sản phẩm công nghệ thông tin.

*Nguồn: baohinhphu.vn*

## BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI: BỔ SUNG NHIỆM VỤ CỦA HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH CẤP GIẤY PHÉP LÁI TÀU

Ngày 29/11/2021, Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư số 25/2021/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 33/2018/TT-BGTVT ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn đối với các chức danh nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu; nội dung, chương trình đào tạo chức danh nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu; điều kiện, nội dung, quy trình sát hạch và cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép lái tàu trên đường sắt; Thông tư số 05/2021/TT-BGTVT ngày 01/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 33/2018/TT-BGTVT ngày 15/5/2018 và Thông tư số 24/2020/TT-BGTVT ngày 13/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực đường sắt.

Thông tư bổ sung điểm d Khoản 2 và Khoản 5 vào Điều 29 Hội đồng sát hạch cấp giấy phép lái tàu.

Theo đó, bổ sung điểm d vào Khoản 2 của Điều 29, thành phần Hội đồng sát hạch cấp giấy phép lái tàu cho những lái tàu đầu tiên trên các tuyến đường sắt đô thị mới đưa vào khai thác, vận hành có công nghệ lần đầu sử dụng tại Việt Nam: Ngoài thành phần quy định tại điểm a (Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Cục Đường sắt Việt Nam hoặc người được Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam ủy quyền), điểm b (Phó Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo doanh nghiệp có thí sinh tham dự kỳ sát hạch) và điểm c (Các thành viên khác của Hội đồng do Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam quyết định), bổ sung thành phần chủ đầu tư dự án (hoặc tổ chức được chủ đầu tư dự án giao quản lý dự án đường sắt đô thị).

Bên cạnh đó, bổ sung Khoản 5 vào Điều 29, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Hội đồng sát hạch cấp giấy phép lái tàu cho những lái tàu đầu tiên trên các tuyến đường sắt đô thị mới đưa vào khai thác, vận hành có công nghệ lần đầu sử dụng tại Việt Nam: a) Kiểm tra, xem xét, đánh giá tính hợp lệ và các nội dung của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lái tàu theo quy định; b) Lập biên bản làm việc của Hội đồng sát hạch theo mẫu quy định tại Phụ lục IIa ban hành kèm theo Thông tư này; c) Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện của Hội đồng sát hạch theo quy định và đề xuất, kiến nghị Cục Đường sắt Việt Nam cấp hoặc không cấp giấy phép lái tàu theo mẫu quy định tại Phụ lục IIb ban hành kèm theo Thông tư này.

Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/01/2022.

*Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ*

## NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM: QUY ĐỊNH TỪ NGÀY 01/01/2022, NGƯỜI DÂN CÓ THỂ MỞ THẺ NGÂN HÀNG BẰNG HÌNH THỨC ONLINE

Ngày 16/11/2021, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Thông tư số 17/2021/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-NHNN quy định về hoạt động thẻ ngân hàng; trong đó, bổ sung quy định: Tổ chức phát hành thẻ có thể thực hiện phát hành thẻ ghi nợ, thẻ tín dụng, thẻ trả trước định danh đối với chủ thẻ chính là cá nhân bằng phương thức điện tử.

Thông tư số 17/2021/TT-NHNN quy định: Tổ chức phát hành thẻ phải xây dựng, ban hành, công khai quy trình, thủ tục phát hành thẻ của cá nhân bằng phương thức điện tử phù hợp với quy định, pháp luật về phòng, chống rửa tiền, pháp luật về giao dịch điện tử, các quy định pháp luật liên quan về bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin khách hàng và an toàn hoạt động của tổ chức phát hành thẻ, bao gồm tối thiểu các bước như sau: a) Thu thập thông tin, giấy tờ cần thiết trước khi giao kết hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ với khách hàng nhằm nhận biết khách hàng và xác định hạn mức giao dịch của thẻ ghi nợ, thẻ trả trước định danh, thẻ tín dụng theo quy định; b) Thực hiện kiểm tra, đối chiếu và xác minh thông tin nhận biết khách hàng; c) Cảnh báo cho khách hàng về các hành vi không được thực hiện trong quá trình mở và sử dụng thẻ được phát hành bằng phương thức điện tử; d) Cung cấp cho khách hàng hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ theo các nội dung quy định và thực hiện giao kết hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ với khách hàng bảo đảm quy định về pháp luật giao dịch điện tử; đ) Thông báo tên tổ chức phát hành thẻ, tên hoặc nhãn hiệu thương mại của thẻ, số thẻ, thời hạn hiệu lực (hoặc thời điểm bắt đầu có hiệu lực) của thẻ, tên chủ thẻ, phạm vi và chức năng sử dụng của thẻ, các điều cấm theo quy định pháp luật khi sử dụng thẻ cho khách hàng.

Tổ chức phát hành thẻ được quyết định biện pháp, hình thức, công nghệ để nhận biết và xác minh khách hàng phục vụ việc phát hành thẻ bằng phương thức điện tử; chịu trách nhiệm về rủi ro phát sinh (nếu có) và phải đáp ứng các yêu cầu tối thiểu quy định.

Tổ chức phát hành thẻ căn cứ điều kiện công nghệ áp dụng khi nhận biết và xác minh khách hàng để đánh giá rủi ro, quyết định áp dụng hạn mức giao dịch của khách hàng mở bằng phương thức điện tử nhưng phải bảo đảm tổng hạn mức giao dịch (bao gồm rút tiền mặt, chuyển khoản, thanh toán) của thẻ ghi nợ hoặc thẻ trả trước định danh hoặc thẻ tín dụng của một khách hàng không vượt quá 100 triệu đồng Việt Nam trong một tháng và không thực hiện rút ngoại tệ tiền mặt tại nước ngoài, thanh toán quốc tế.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01/01/2022.

*Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ*

## NHÂN SỰ MỚI CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

### **\* Trao quyết định nghỉ hưu đối với 6 Đại tướng, Thượng tướng Quân đội nhân dân Việt Nam:**

Chiều ngày 07/12, Bộ Quốc phòng tổ chức Hội nghị công bố, trao quyết định nghỉ hưu đối với các đồng chí nguyên Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng công tác trong quân đội. Đại tướng Phan Văn Giang, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Bí thư Quân ủy Trung ương, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng chủ trì hội nghị.

Tại Hội nghị, thừa ủy quyền của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Đại tướng Phan Văn Giang, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Bí thư Quân ủy Trung ương, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng đã trao quyết định nghỉ hưu từ ngày 01/12/2021 đối với 6 đồng chí nguyên Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng công tác trong quân đội, gồm:

Đại tướng Đỗ Bá Tỵ, nguyên Phó chủ tịch Quốc hội, nguyên Ủy viên Thường vụ Quân ủy Trung ương, nguyên Tổng Tham mưu trưởng, nguyên Thứ trưởng Bộ Quốc phòng;

Thượng tướng Nguyễn Chí Vịnh, nguyên Ủy viên Thường vụ Quân ủy Trung ương, nguyên Thứ trưởng Bộ Quốc phòng;

Thượng tướng Trần Đơn, nguyên Ủy viên Thường vụ Quân ủy Trung ương, nguyên Thứ trưởng Bộ Quốc phòng;

Thượng tướng Bé Xuân Trường, nguyên Thứ trưởng Bộ Quốc phòng;

Thượng tướng Lê Chiêm, nguyên Thứ trưởng Bộ Quốc phòng;

Thượng tướng Nguyễn Phương Nam, nguyên Phó Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam.

Tại hội nghị, thay mặt lãnh đạo Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng, Trung tướng Trịnh Văn Quyết, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị công bố quyết định của Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhất đối với hai đồng chí: Đại tướng Đỗ Bá Tỵ và Thượng tướng Nguyễn Chí Vịnh; Tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhì đối với 4 đồng chí: Thượng tướng Trần Đơn, Thượng tướng Bé Xuân Trường, Thượng tướng Lê Chiêm và Thượng tướng Nguyễn Phương Nam.

### **\* Thủ tướng Chính phủ quyết định:**

Bổ nhiệm Chuẩn đô đốc Hải quân Đỗ Văn Yên, Chính ủy Vùng 2, Quân chủng Hải quân, giữ chức vụ Phó Chính ủy Quân chủng Hải quân.

Bổ nhiệm ông Tô Dũng Thái, Thành viên Hội đồng thành viên Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng thành viên Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam.

**\* Thành phố Hải Phòng:**

Ông Hoàng Minh Cường, Ủy viên Thành ủy, Cục trưởng Cục Viễn Thông, Bộ Thông tin và Truyền thông được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng khóa XVI, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Ông Trần Anh Cường, Giám đốc Sở Y tế được điều động đến nhận công tác tại Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố để hiệp thương giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hải Phòng, nhiệm kỳ 2019 - 2024.

Ông Lê Khắc Nam, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố được phân công kiêm Giám đốc Sở Y tế đến khi kiện toàn chức vụ Giám đốc Sở Y tế.

Bà Vũ Anh Thư, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố được tiếp nhận, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Chánh Thanh tra thành phố.

Ông Đào Duy Phương, Trưởng phòng Phòng Tổ chức biên chế và Tổ chức phi chính phủ, Sở Nội vụ được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Nội vụ.

Ông Trần Thế Thông, Trưởng phòng Phòng Tài chính Đảng, Văn phòng Thành ủy được phân công giữ chức vụ Thư ký ông Trần Lưu Quang, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Thành ủy, Trưởng đoàn Đoàn Đại biểu Quốc hội Hải Phòng, kể ngày 8/12/2021.

Ông Phạm Quốc Hiệu Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Bảo được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo.

Ông Phạm Anh Tuấn, Phó Trưởng phòng Phòng Nông nghiệp, Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố.

Ông Vũ Văn Trà, Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo được điều động, bổ nhiệm giữ chức danh Phó Chủ tịch chuyên trách Liên hiệp các Tổ chức hữu nghị thành phố, nhiệm kỳ 2018 - 2023.

**\* Tỉnh Quảng Ninh:**

Miễn nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh khóa XIV, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với bà Trịnh Thị Minh Thanh để thực hiện nhiệm vụ Phó Bí thư Tỉnh ủy.

Bà Vi Ngọc Bích, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh khóa XIV, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

**\* Tỉnh Bình Dương:**

Ông Nguyễn Văn Dành, Bí thư Thị ủy Tân Uyên được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Bà Nguyễn Thị Thanh Mai, Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Bình Dương được bầu giữ chức vụ Trưởng ban Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh.

*Nguồn: baochinhphu.vn*